

## **CHƯƠNG 1**

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.**

##### ***1.1.1. Một số khái niệm cơ bản.***

##### ***1.1.1.1. Doanh thu.***

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như : Bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu như : Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế suất khấu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

##### ***1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.***

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

- Hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại ...

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

- Thuế xuất khẩu: Là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp : Là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

### ***1.1.1.3. Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.***

- Giá vốn hàng bán: Là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm đã bán được (hoặc bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành, đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp.

#### **1.1.1.4. Doanh thu tài chính, chi phí tài chính.**

- **Doanh thu tài chính:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán như: tiền lãi gồm lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ...; thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại...); cổ tức, lợi tức được chia; chênh lệch lãi chuyển nhượng...  
Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ các khoản tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện:

- + Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- **Chi phí tài chính:** Là những chi phí liên quan đến hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ có liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

#### **1.1.1.5. Chi phí khác, thu nhập khác.**

- **Chi phí khác:** Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

- + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;

- + Tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- + Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- + Các khoản chi phí khác.

• Thu nhập khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- + Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- + Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại;
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu;
- + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân cho doanh nghiệp;
- + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

#### ***1.1.1.6. Kết quả kinh doanh.***

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

***1.1.2. Vai trò của công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

- Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng; là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định; là nguồn để có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác, trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi tới phá sản.

- Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cũng xuất phát từ doanh thu mà ta mới đi đến việc xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp. Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được

tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

**1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

- Yêu cầu quản lý:

- Đối với doanh thu tiêu thụ thì yêu cầu quản lý nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa trong doanh nghiệp là quá trình quản lý hàng hóa về số lượng, chất lượng, giá trị hàng hóa bán ra bao gồm quản lý từ khâu mua, khâu bán từng mặt hàng, từng nhóm hàng cho đến khi thu được tiền hàng, nội dung như sau:

+ Quản lý về số lượng, giá trị hàng xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng lần gửi hàng, từng nhóm hàng.

+ Quản lý về giá cả bao gồm: việc lập dự toán và theo dõi việc thực hiện giá tiêu thụ sản phẩm

+ Quản lý việc thu hồi tiền bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

+ Quản lý tiêu thụ hàng hoá tốt sẽ tạo điều kiện cho quản lý việc xác định kết quả kinh doanh tốt, từ đó hạn chế rủi ro trong kinh doanh cũng như ngăn chặn nguy cơ thất thoát hàng hoá, đảm bảo tính chính xác của các số liệu đưa ra.

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp thì kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối

lượng hàng hoá tiêu thụ, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan khác của khối lượng hàng bán (giá bán, doanh thu thuần..)

- Phân bổ chi phí mua hàng cho số hàng đã bán trong kỳ và lượng hàng tồn cuối kỳ.

- Kế toán quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ kho hàng hoá, phát hiện, xử lý kịp thời hàng hoá ứ đọng.

- Lựa chọn phương pháp và xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hoá.

- Xác định kết quả bán hàng và thực hiện chế độ báo cáo bán hàng, báo cáo hàng hoá chi tiết, đầy đủ.

- Theo dõi và thanh toán kịp thời công nợ với nhà cung cấp và khách hàng.

- Theo dõi, phản ánh các khoản thu nhập, chi phí hoạt động tài chính. Trên cơ sở đó tính toán đầy đủ, kịp thời và chính xác kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- Ghi chép theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Kế toán cần tính toán, phản ánh chính xác, đầy đủ và kịp thời kết quả hoạt động khác diễn ra trong kỳ.

## **1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

### ***1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.***

#### ***1.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.***

Để phục vụ cho quá trình tiêu thụ hàng hóa doanh nghiệp thường sử dụng những chứng từ sau:

- Các chứng từ bán hàng: Các chứng từ bán hàng là cơ sở ghi sổ doanh thu và các sổ kế toán có liên quan đến đơn vị bán. Gồm:

- + Hoá đơn bán hàng.
- + Hoá đơn thuế GTGT.
- + Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho.
- + Bảng thanh toán tiền hàng đại lý (Ký gửi).
- + Thẻ quầy hàng.

- Chứng từ về hàng tồn kho : Chứng từ hàng tồn kho thường sử dụng trong quá trình tiêu thụ là: Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, Thẻ kho...

- Chứng từ kế toán tiền mặt: Theo dõi tình hình thu chi, tồn quỹ của các loại tiền mặt, các khoản tạm ứng nhằm cung cấp những thông tin cần thiết cho kế toán và quản lý các đơn vị trong lĩnh vực tiền tệ, bao gồm: Phiếu thu, Phiếu chi, Biên lai thu tiền, Bảng kiểm kê quỹ.

#### ***1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng.***

- ***Nhóm tài khoản doanh thu:***

- ***Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*** : Phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

+ Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư;

+ Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

- ***Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:***

***Bên nợ***

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;



+ Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp;

+ Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

+ Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

+ Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

***Bên có***

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.*

***Tài khoản 511 chi tiết thành :***

Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hoá

Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm

Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá

Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

- ***Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ:*** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá nội bộ. Kết cấu và nội dung của TK 512 tương tự như TK 511, cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5121- Doanh thu bán hàng hoá

Tài khoản 5122- Doanh thu bán các thành phẩm

Tài khoản 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ

- ***Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính:*** Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- ***Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:***

+ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;...

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia;

+ Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

+ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

+ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

+ Lãi tỷ giá hối đoái;

+ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;

+ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

+ Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác;

**- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản :**

***Bên nợ:***

+ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (Nếu có).

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

***Bên có:***

+ Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.

+ Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

+ Chiết khấu thanh toán được hưởng.

+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.

*Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.*

- ***Nhóm tài khoản giảm trừ doanh thu.***

**- Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại:**

***Bên nợ:*** Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

**Bên có:** Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu của kỳ báo cáo.

*Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.*

**- Tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại**

**Bên nợ:** Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

**Bên có:** Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

*Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ*

**- Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán:**

**Bên nợ:** Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong HĐ kinh tế.

**Bên có:** Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

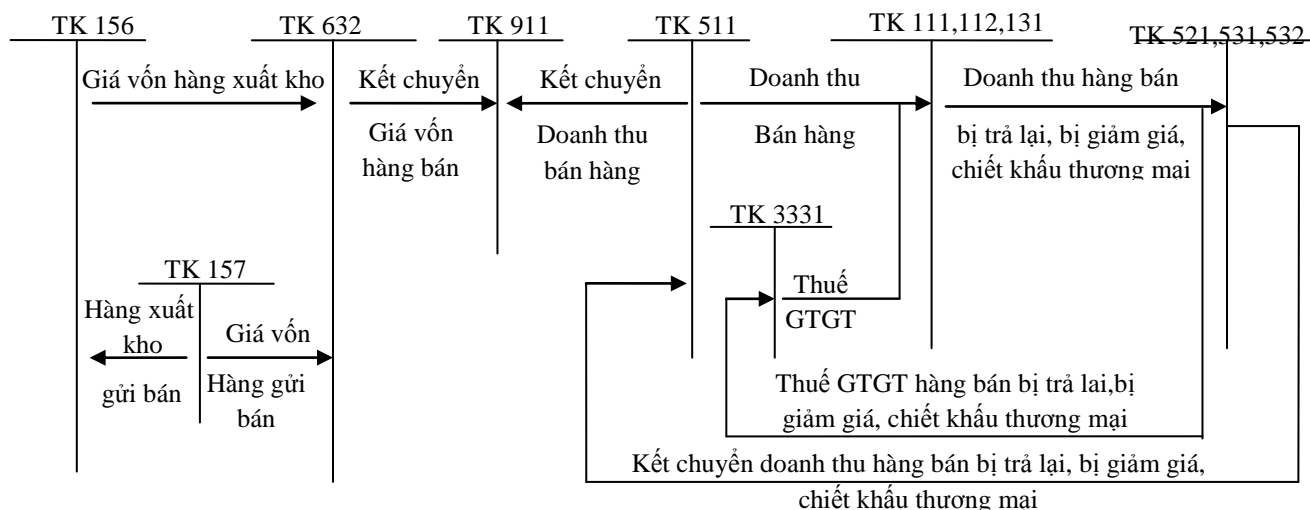
*Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.*

**1.2.1.3. Trình tự hạch toán theo các phương thức bán hàng.**

• **Hạch toán theo phương thức bán buôn, bán lẻ:**

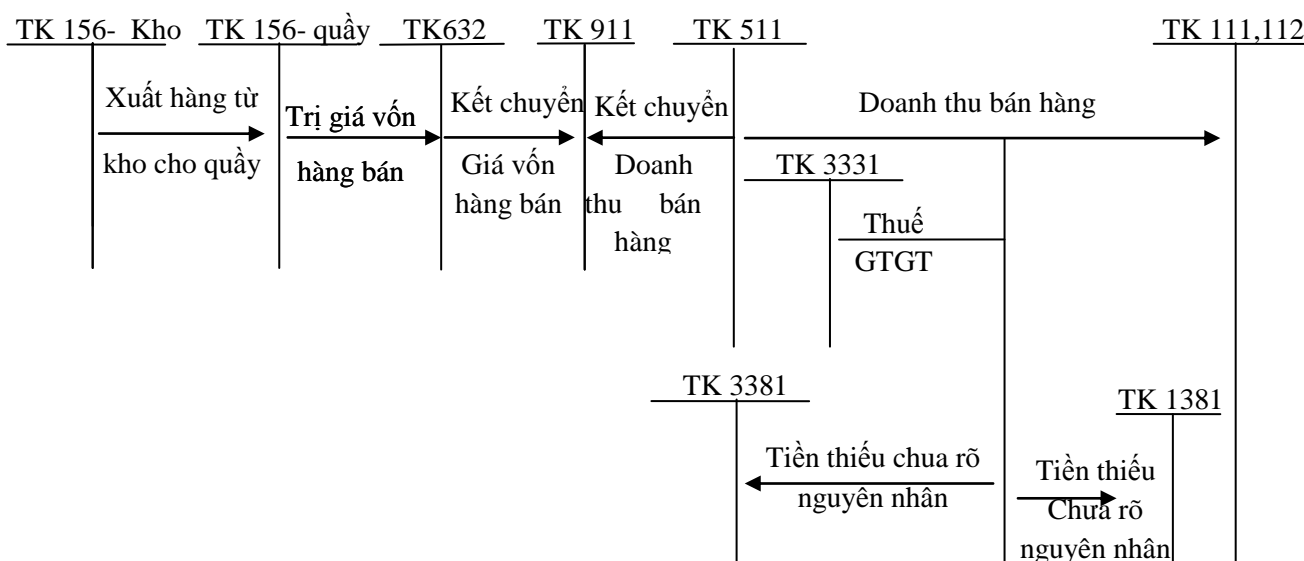
- Bán buôn: Là bán cho các doanh nghiệp để họ sản xuất gia công, chế biến sau đó được các sản phẩm họ lại đem bán ra cho người tiêu dùng hay bán cho các cơ sở kinh doanh thương mại. Có 2 phương thức là: bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

**Sơ đồ 1.1: Hạch toán bán hàng theo phương thức bán buôn qua kho**



- Bán lẻ: Là hình thức bán trực tiếp cho người tiêu dùng. Các hình thức bán lẻ: bán lẻ thu tiền tập trung; bán lẻ thu tiền trực tiếp; bán lẻ tự phục vụ; bán hàng tự động; bán hàng trả chậm, trả góp.

**Sơ đồ 1.2: Kế toán nghiệp vụ bán lẻ hàng hoá**



• **Hạch toán theo phương thức gửi đại lý:**

Bán hàng gửi đại lý là phương thức mà bên chủ hàng xuất hàng giao cho bên nhận đại lý ký gửi để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở của thoả thuận trong hợp đồng mua bán hàng giữa hai bên và giao hàng tại địa điểm đã quy ước trong hợp đồng.

Khi xuất kho gửi đi bán hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nên chưa xác định là tiêu thụ, tức là chưa hạch toán vào tài khoản doanh thu. Hàng gửi đi bán chỉ được xác định là tiêu thụ để hạch toán vào doanh thu trong các trường hợp sau:

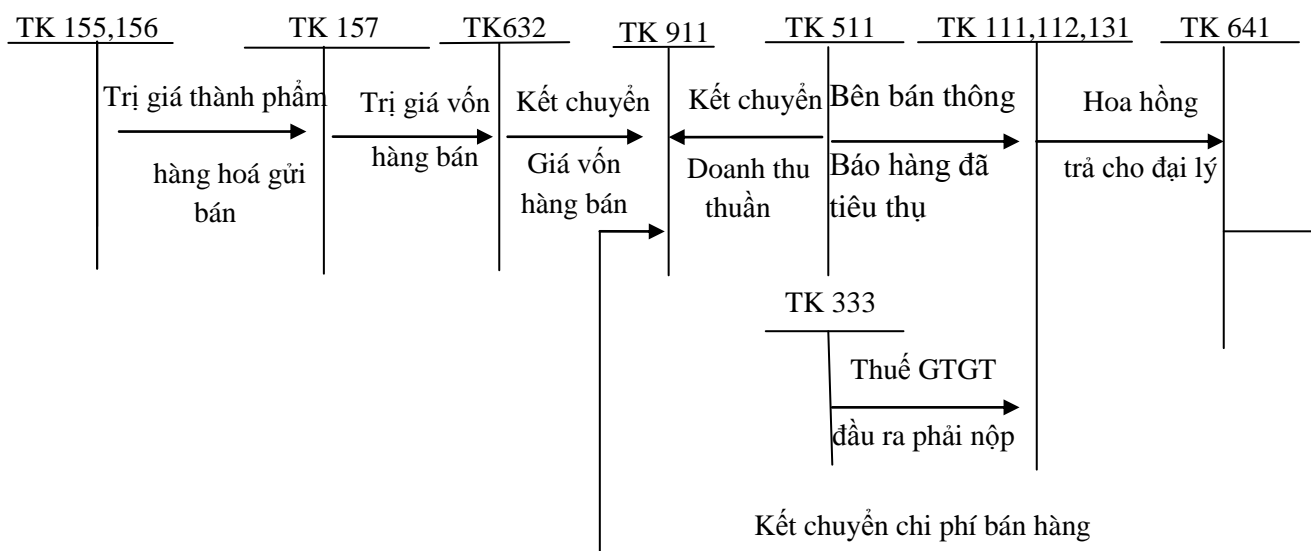
- Doanh nghiệp đã nhận được tiền do khách hàng trả (Tiền mặt, giấy báo có của ngân hàng, séc...)
- Khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán
- Khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán

Chứng từ bán hàng trong trường hợp này là phiếu xuất kho kiêm hoá đơn bán hàng.

Trình tự hạch toán:

+) Kế toán tại đơn vị giao đại lý

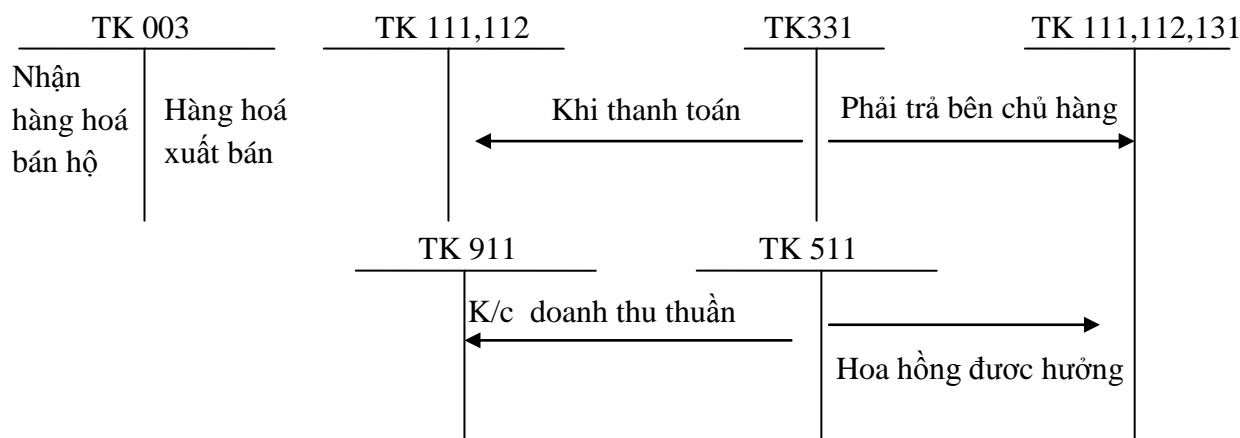
**Sơ đồ 1.3: Kế toán tiêu thụ cho đơn vị giao đại lý (chủ hàng)**



+) Kế toán tại đơn vị nhận đại lý: Kế toán ghi nhận toàn bộ trị giá vốn số hàng này vào bên Nợ TK 003 – Hàng nhận bán hộ, ký gửi.

Khi được xác định là tiêu thụ ghi vào bên Có TK 003. Doanh thu bán hàng là toàn bộ hoa hồng được hưởng do nhận bán đại lý.

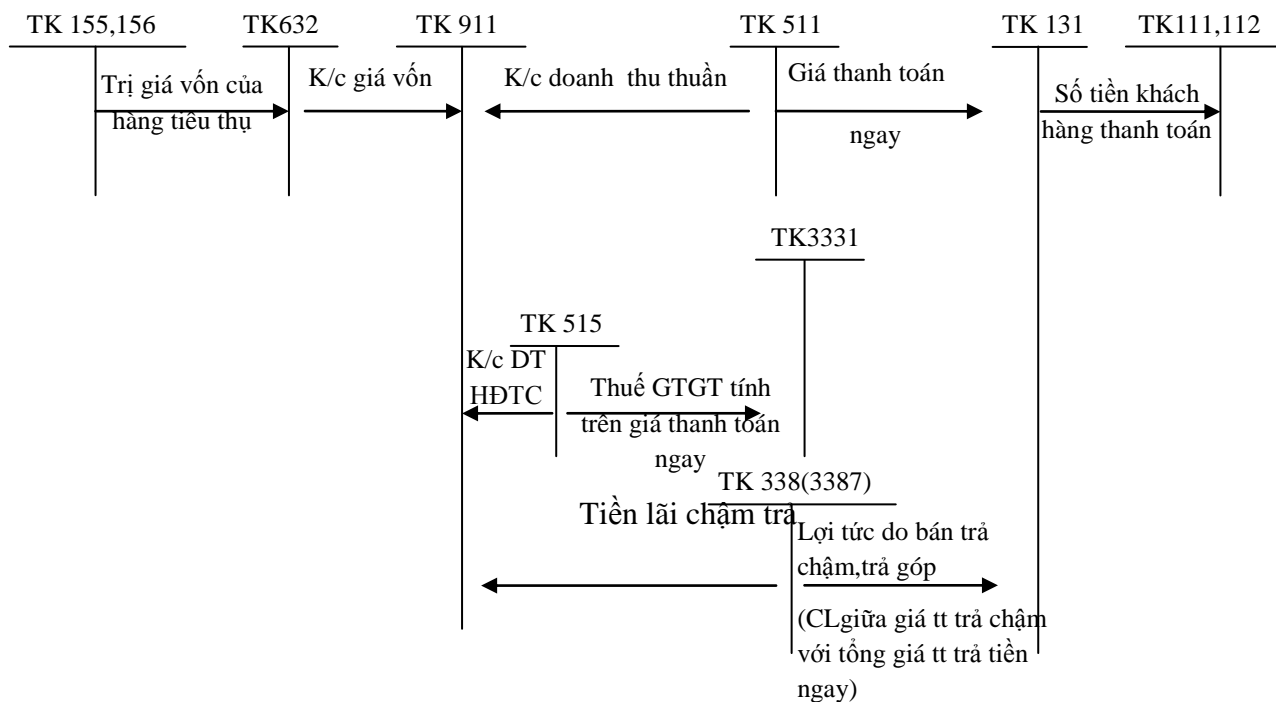
**Sơ đồ 1.4: Kế toán tiêu thụ tại đơn vị nhận đại lý**



• **Hạch toán theo phương thức trả góp:**

Hàng bán trả góp là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ chấp nhận thanh toán một phần giá trị lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.

**Sơ đồ 1.5: Hạch toán bán hàng theo phương thức trả góp**



**1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí, thu nhập liên quan đến xác định kết quả kinh doanh.**

**1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán.**

• **Tài khoản sử dụng:**

- **Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán :**

Trị giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn hàng} \\ \text{tiêu thụ} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá mua} \\ \text{hàng tiêu thụ} \\ \text{trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{phân bổ cho hàng} \\ \text{tiêu thụ trong kỳ} \end{array}$$

- **Kết cấu của tài khoản như sau :**

**Bên nợ :**

- *Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh :*

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.

+ Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi đã trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- *Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, phản ánh :*

+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích lập trong kỳ.

+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo bất động sản đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá bất động sản đầu tư .

+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư trong kỳ .

- + Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư bán, thanh lý trong kỳ.
- + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.

***Bên có:***

- + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- + Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữ số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- + Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

• **Phương pháp xác định trị giá hàng bán:** Có 4 phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho:

- Phương pháp tính giá bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này giá mua thực tế của hàng hoá xuất kho được tính theo giá bình quân gia quyền.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá mua của} \\ \text{hàng hoá xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{hoá xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá mua đơn vị} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

Trong đó : giá bình quân hàng hoá nhập kho trong tháng được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của hàng} \\ \text{tế của} \\ \text{Giá đơn vị thực tế} \\ \text{trong kỳ} \\ \text{bình quân gia quyền} \\ \text{cả kỳ dự trữ} \\ \text{hoá} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của hàng} \\ \text{hoá tồn kho đầu kỳ} \\ \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá mua thực} \\ \text{tế của hàng hoá nhập} \\ \text{trong kỳ} \\ \text{Số lượng hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$



$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền} = \frac{\text{Tri giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{sau lần nhập } i \quad \text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này, giả thiết rằng số hàng hoá nào nhập kho trước thì sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng hoá nhập trước mới đến số hàng hoá nhập sau theo giá mua thực tế của từng số hàng xuất. Cơ sở của phương pháp này là giá thực tế của mua trước sẽ được dùng làm giá thực tế của hàng xuất trước. Do vậy, giá xuất hàng hoá tồn kho cuối kỳ là giá mua thực tế hàng hoá mua sau cùng, phương pháp này tính trong trường hợp giá ổn định và có xu hướng giảm.

- Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):

Phương pháp này giả định những hàng hoá mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu tiên ngược lại với phương pháp FIFO và thường áp dụng trong trường hợp hàng hoá nhập vào có xu hướng tăng giá.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này, hàng hoá nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hoá được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng xuất nhưng việc áp dụng rất phức tạp, đòi hỏi thủ kho phải nắm được chi tiết từng lô hàng của mỗi lần nhập. Do đó những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hoá không nên áp dụng.

### **1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.**

- **Chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí lao động sống và lao động vật hoá liên quan bảo quản, tiêu thụ hàng hoá, lao vụ, dịch vụ mà doanh nghiệp phải chi ra trong một kì nhất định. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí bảo quản, bốc xếp, thuê kho, thuê bãi, quảng cáo... Về bản chất đó là những chi phí phục vụ gián tiếp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nó đảm bảo cho quá trình kinh doanh diễn ra bình thường.

- **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”: Phản ánh các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm,...

- **Kết cấu của tài khoản chi phí bán hàng như sau:**

**Bên nợ:** Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

**Bên có:** Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

*Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ*

**Tài khoản 641 chi tiết thành**

- + TK 6411- Chi phí nhân viên
- + TK 6412- Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414- Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415- Chi phí bảo hành
- + TK 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418- Chi phí bằng tiền khác

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại chi phí như quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

- **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”: Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, chi phí vật liệu văn phòng...

- **Kết cấu của tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp như sau:**

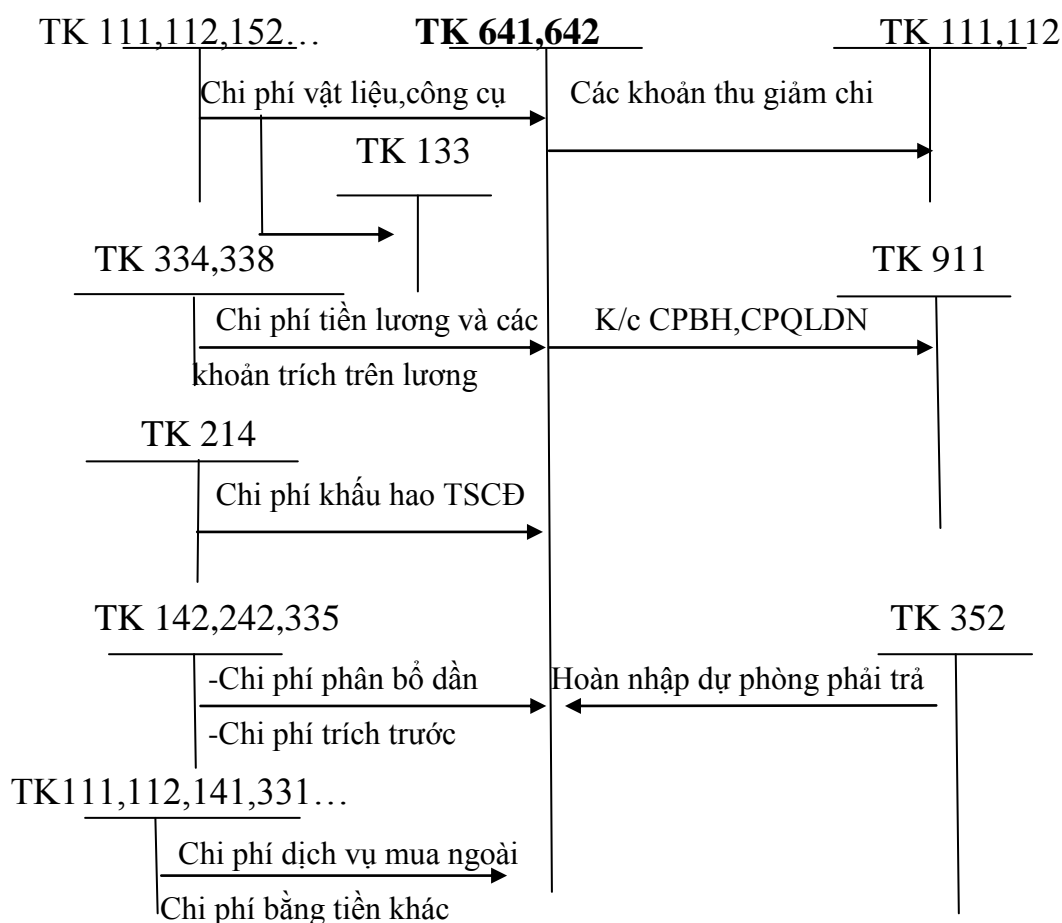
**Bên nợ:**

- + Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh thực tế trong kỳ.
- + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- + Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

**Bên có**

- + Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- + Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

**Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN**



### **1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí tài chính.**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,... Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, tỷ giá hối đoái...

- **Tài khoản sử dụng:** TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính”.

- **Kết cấu tài khoản chi phí hoạt động tài chính:**

**Bên nợ:**

+ Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính

+ Lỗ bán ngoại tệ

+ Chiết khấu thanh toán cho người mua

+ Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

+ Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ

+ Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)

+ Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí cuối năm

+ Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

**Bên có:**

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ.

#### **1.2.2.4. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

- **Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính:** Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

##### **- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:**

+ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;...

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia.

+ Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

+ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

+ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

+ Lãi tỷ giá hối đoái.

+ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.

+ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

+ Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

##### **- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản :**

###### **Bên nợ:**

+ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (Nếu có).

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

###### **Bên có:**

+ Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.

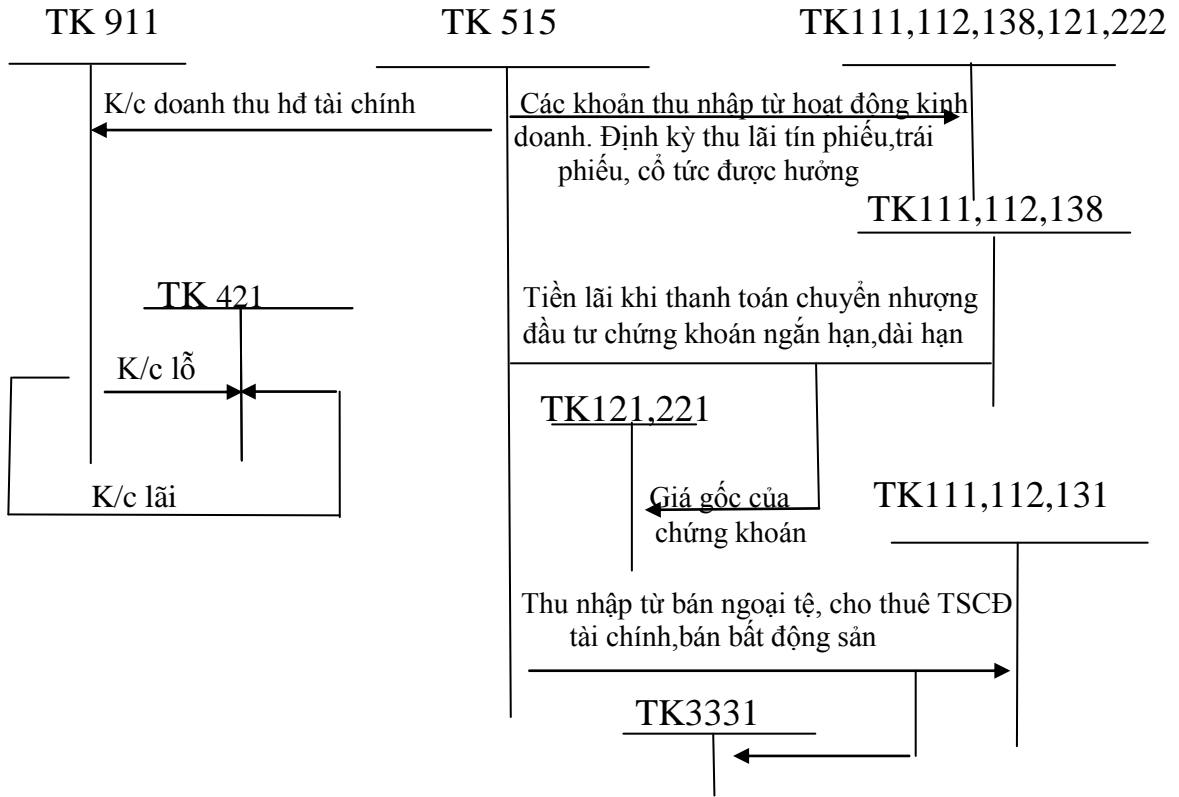
+ Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

+ Chiết khấu thanh toán được hưởng.

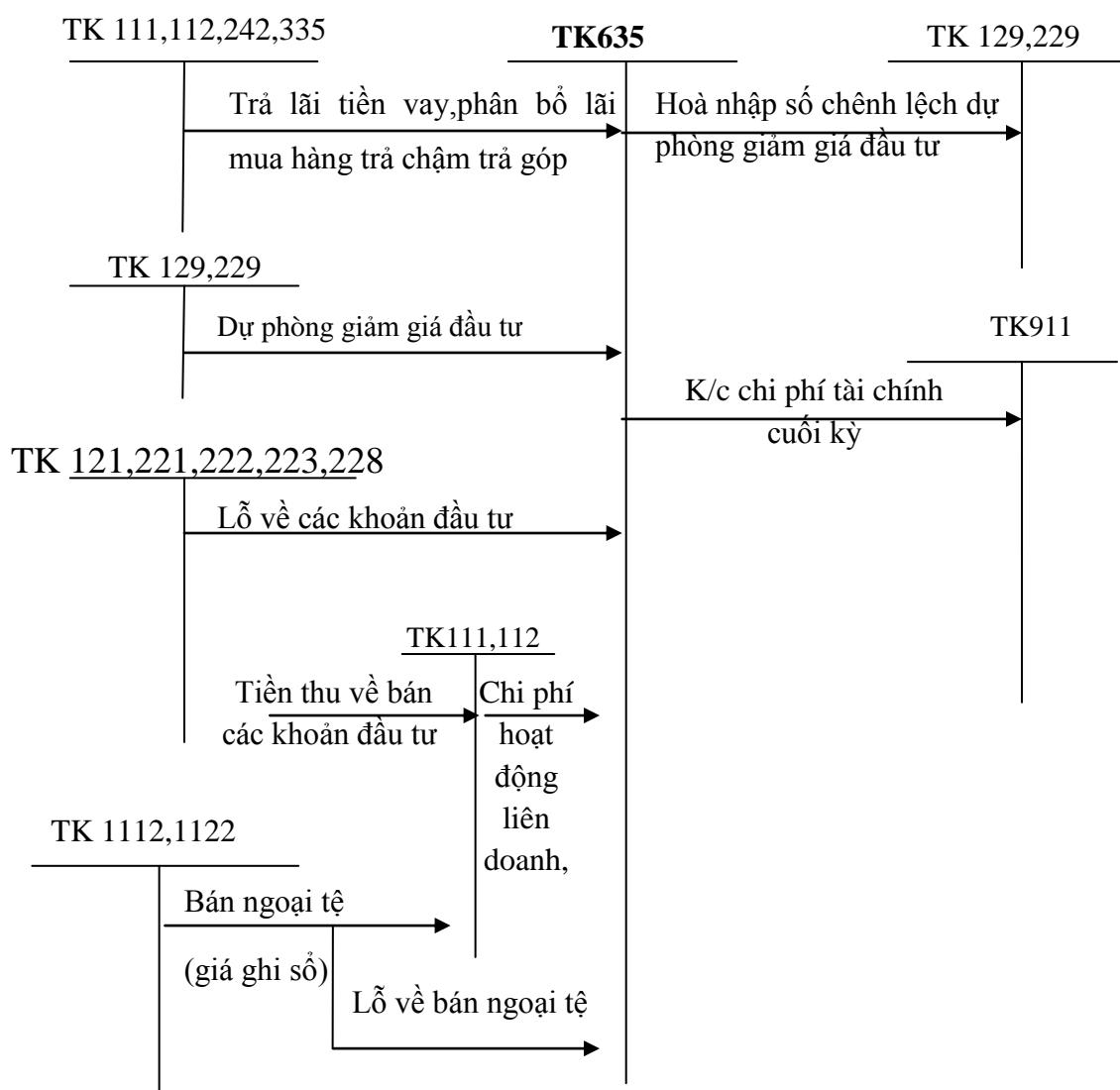
+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



**Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí hoạt động tài chính**



**1.2.2.5. Tổ chức kế toán thu nhập khác.**

- **Tài khoản 711- Thu nhập khác:** Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung bao gồm: Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đem đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu các khoản phải trả không xác định được chủ; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân tặng cho DN; Các khoản thu nhập khác ngoài những khoản trên.

**- Kết cấu của tài khoản thu nhập khác như sau:**

***Bên Nợ:***

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

***Bên Có:***

+ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

***1.2.2.6. Tổ chức kế toán chi phí khác.***

**- Tài khoản 811- Chi phí khác:** Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác bao gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có); Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy thu thuế; Các khoản chi phí khác.

**- Kết cấu của tài khoản:**

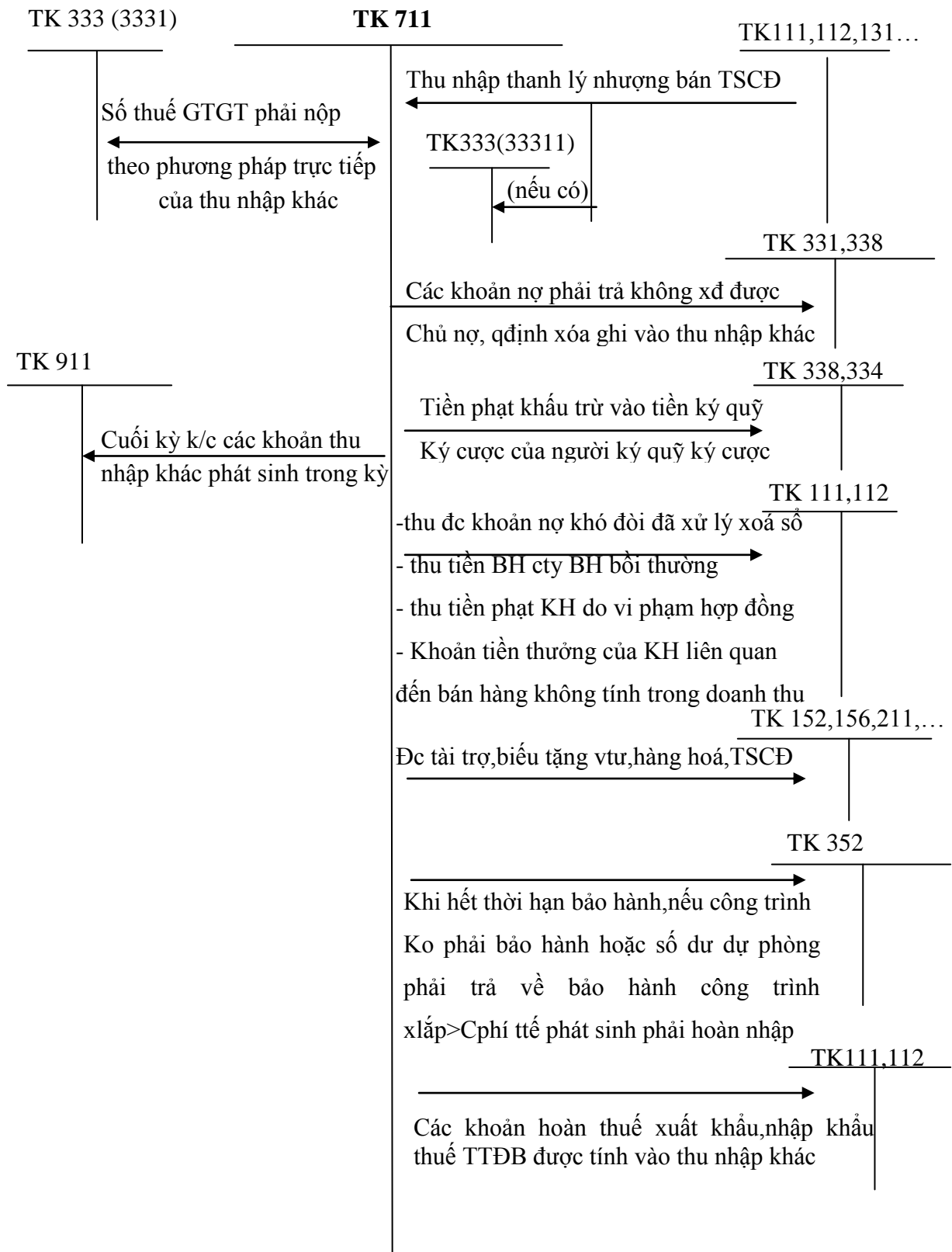
***Bên Nợ:*** Các khoản chi phí khác phát sinh.

***Bên Có:*** Cuối kỳ kết chuyển các khoản phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911.

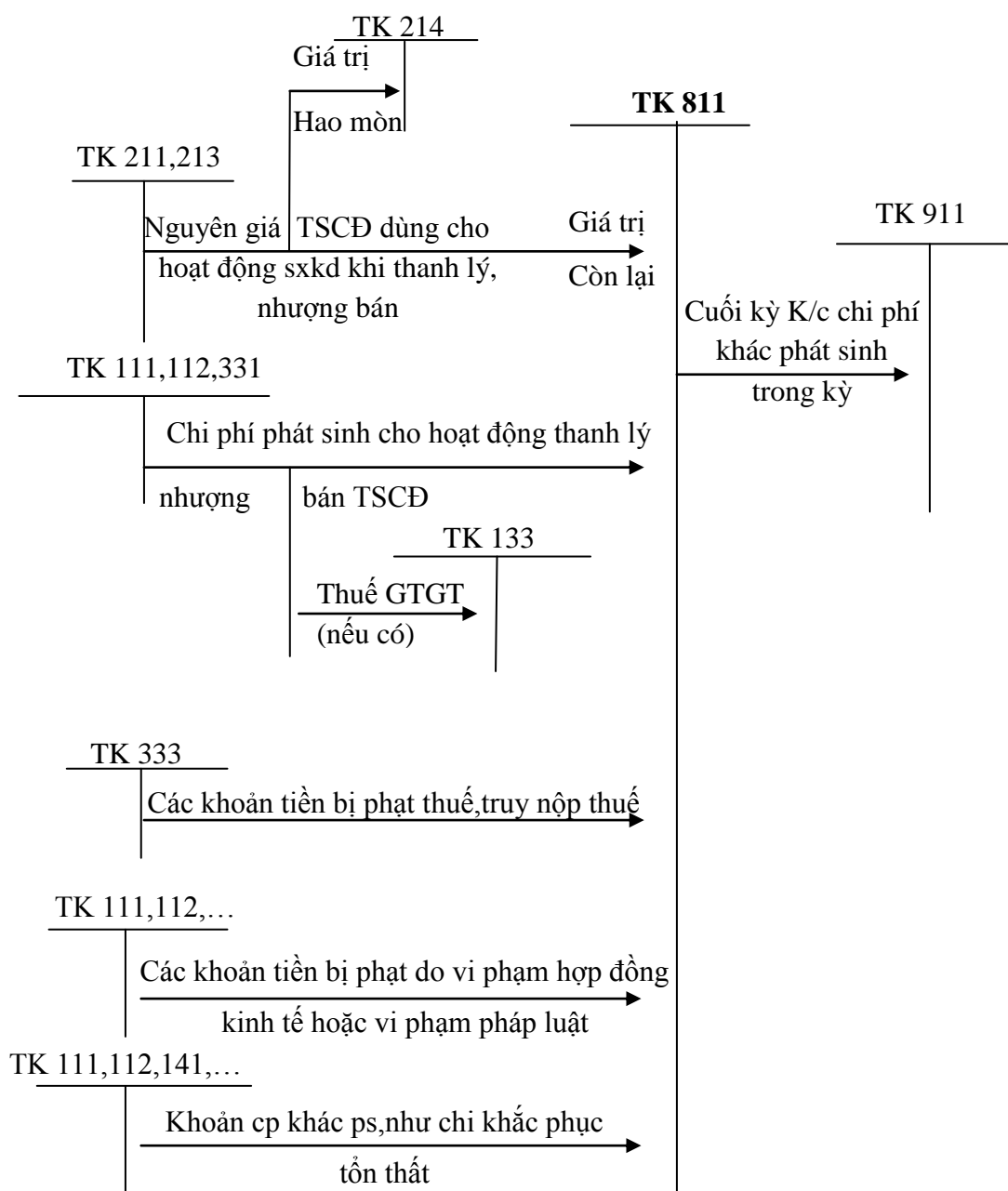
*Tài khoản 711, Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.*



**Sơ đồ 1.9: Kế toán thu nhập khác**



**Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí khác**



**1.2.2.7. Xác định kết quả kinh doanh.**

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (lãi, lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả các kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Lãi lỗ từ            Doanh thu thuần            Giá vốn            Chi phí BH và QLDN  
hoạt động =        về bán hàng và        -        của hàng        -        cho hàng tiêu thụ  
bán hàng            cung cấp dịch vụ        bán                            trong kỳ

Doanh thu thuần về bán        Tổng doanh thu bán hàng        Các khoản giảm trừ  
hàng và cung cấp dịch vụ        và cung cấp dịch vụ        -

Lãi lỗ từ hoạt động        Lãi lỗ từ hoạt        Lãi lỗ từ hoạt        Lãi lỗ từ hoạt  
kinh doanh        động bán hàng        động tài chính        động khác

### **Tài khoản sử dụng:**

- **Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh:** Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 911:

#### **Bên Nợ:**

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;

+ Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí khác.

+ Kết chuyển lãi.

#### **Bên có:**

+ Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Kết chuyển lỗ.

*Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.*

- **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối:** Dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận, xử lý lỗ của doanh nghiệp.

**Bên Nợ:**

- Số lỗ về doanh thu của doanh nghiệp; Trích lập các quỹ của DN; Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên quan; Bổ sung nguồn vốn kinh doanh; Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

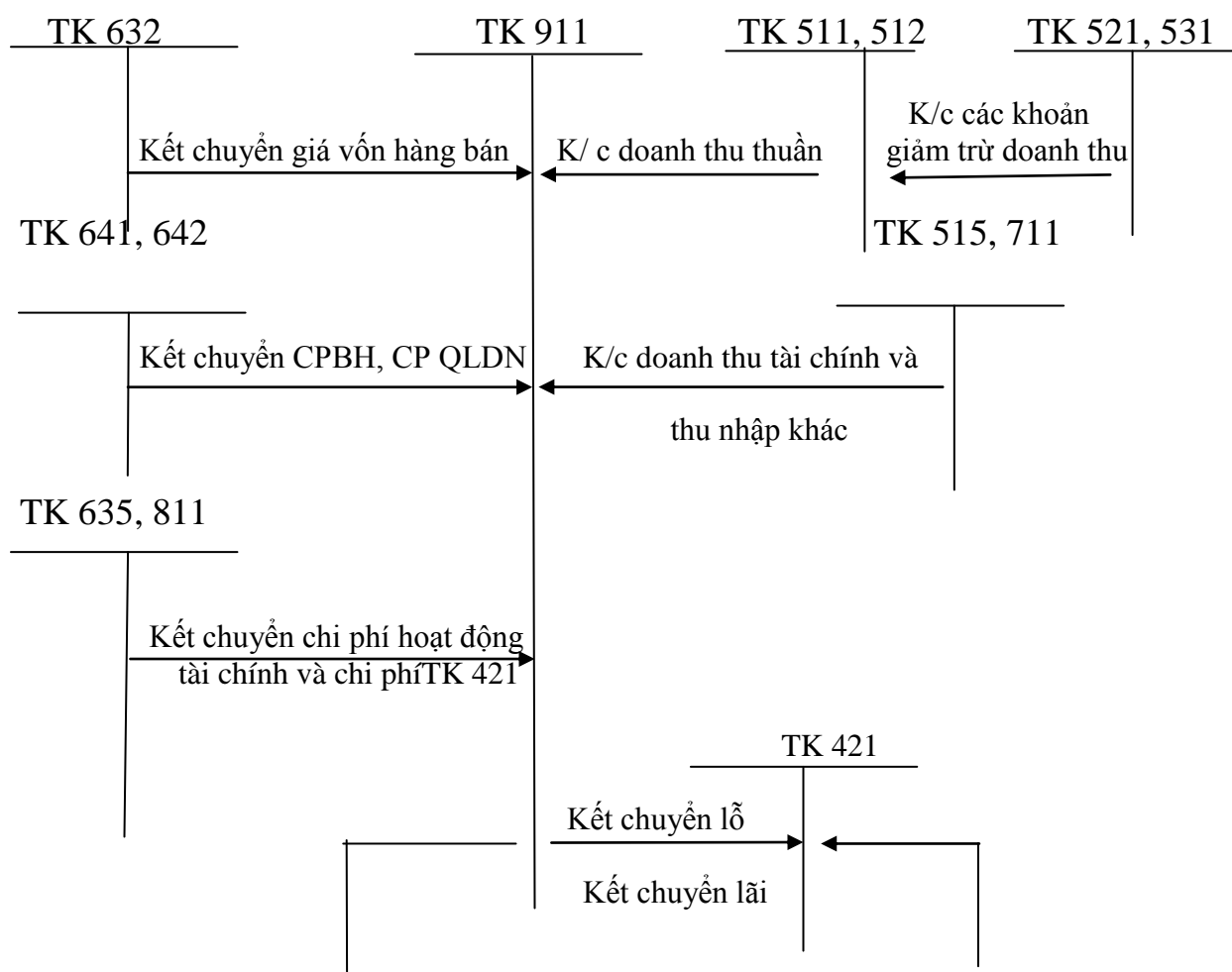
**Bên Có:**

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ; Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên; Số lỗ cấp dưới được cấp trên cấp bù; Xử lý các khoản lỗ về kinh doanh.

**TK 421 có thể dư Nợ hoặc dư Có.**

- Số dư Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa được xử lý.
- Số dư Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

**Sơ đồ 1.11: Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



**1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Sổ kế toán là phương tiện vật chất để thực hiện công tác kế toán hàng ngày định kỳ. Tùy theo loại hình, quy mô và trình độ kế toán của từng doanh nghiệp để áp dụng hình thức sổ kế toán nào cho phù hợp. Có 4 hình thức sổ kế toán và áp dụng một trong 4 hình thức vào kế toán máy:

- + Nhật ký - Sổ cái.
- + Nhật ký chung.
- + Nhật ký - Chứng từ.
- + Chứng từ ghi sổ.

Để phục vụ cho phần 2 của khóa luận em xin đi sâu vào hình thức Nhật ký chung và áp dụng hình thức Nhật ký chung vào kế toán máy:

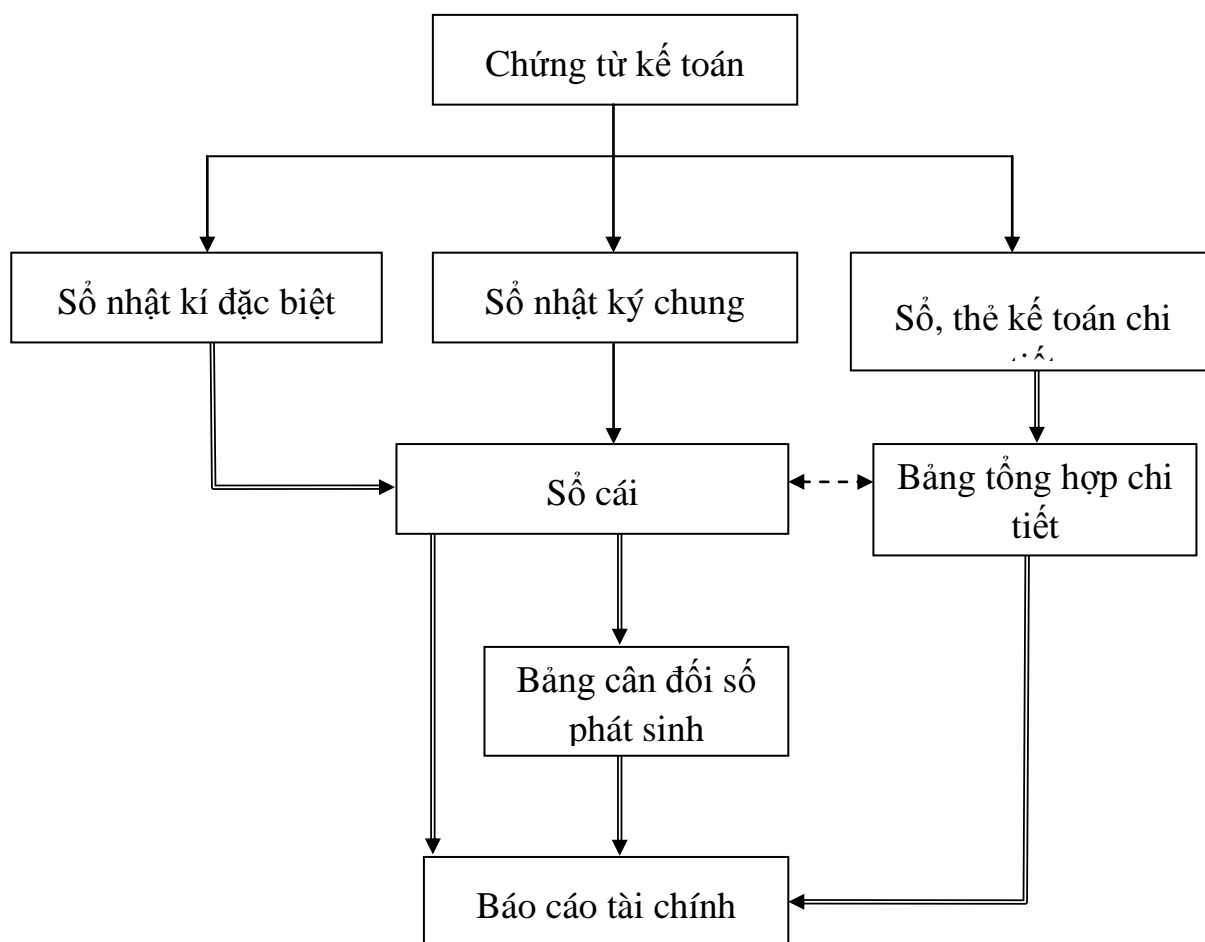
\* Hình thức kế toán Nhật ký chung:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



- Ghi chú:**
- Nhập số liệu hàng ngày
  - ⇒ Ghi sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm
  - ←---→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Do công ty mở sổ, thẻ kế toán chi tiết nên đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

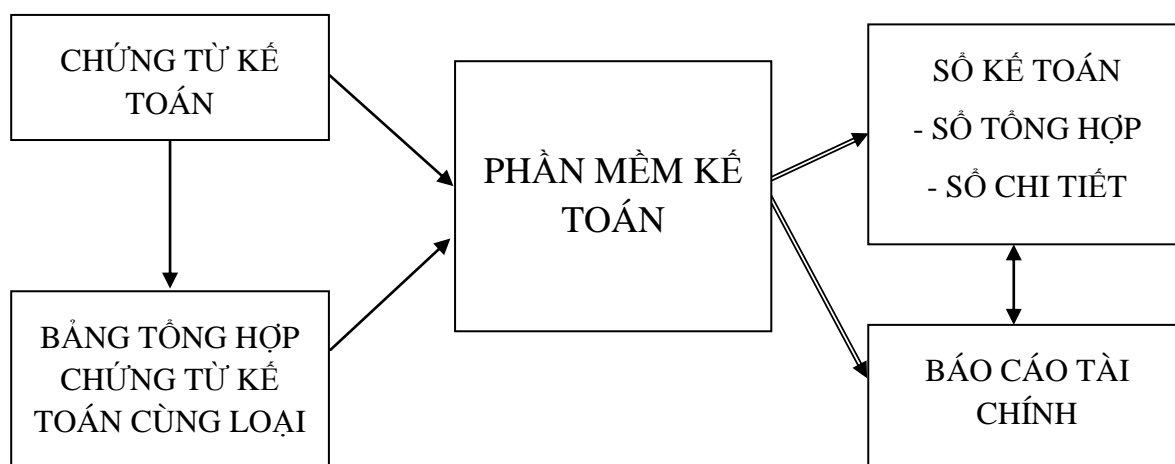
- Trường hợp đơn vị mở sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Cuối tháng, tùy vào khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu phù hợp để ghi vào tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

\* Áp dụng kế toán máy:

**Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ áp dụng kế toán máy**



- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác cộng sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH BẮC HẢI**

#### **2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Bắc Hải.**

##### ***2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.***

- Công ty thành lập ngày 30/01/2004 theo giấy phép kinh doanh số: 0202001650

- Tên công ty:

+ Tên tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẮC HẢI

+ Tên tiếng Anh: BAC HAI COMPANY LIMITED

+ Tên viết tắt : BAC HAI CO. LTD

- Hình thức công ty: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

Công ty có thời hạn hoạt động theo quy định của pháp luật( Kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận ĐKKD).

- Trụ sở giao dịch; Trụ sở chính của công ty đặt tại số 131 Bạch Đằng- Phường Thượng lý- Quận Hồng Bàng- TP Hải Phòng.

##### ***2.1.2. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh.***

- Sản xuất, đại lý, kinh doanh các mặt hàng: Vật tư nông nghiệp, nông sản, lương thực, thực phẩm,thức ăn chăn nuôi, vật liệu xây dựng.

- Kinh doanh và dịch vụ: Giao nhận, vận tải hàng hoá thuỷ bộ, kho bãi, văn phòng đại diện, san lấp mặt bằng, giám sát bảo hiểm hàng hoá.

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chế biến từ gỗ.

##### ***2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty.***

###### **• Thuận lợi**

Công ty TNHH Bắc Hải là một doanh nghiệp mới thành lập song nhờ có những thuận lợi nhất định mà công ty đang từng bước đi vào ổn định. Công ty chủ yếu kinh doanh các mặt hàng về vật tư nông nghiệp. Trong khi đó, nền kinh tế nước ta nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn nên đây là mặt hàng có nhu cầu lớn hiện nay.

Đồng thời, đây cũng là mặt hàng đòi hỏi chất lượng cao. Do đó công ty đã chọn những nhà cung cấp có uy tín trên thị trường nên được khách hàng tín nhiệm

Công ty đã bỏ vốn đầu tư mua sắm các phương tiện vận tải, xây dựng kho bãi. Vì vậy luôn đảm bảo cung cấp dịch vụ đầy đủ, kịp thời.

Do là một doanh nghiệp mới thành lập nên công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, tạo điều kiện của địa phương nơi công ty đóng trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, mua sắm trang thiết bị, an ninh.

- **Khó khăn**

- Khủng hoảng kinh tế cuối năm 2008 tác động tới tất cả các doanh nghiệp do đó gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

- Công ty cũng ở trong tình trạng chung của nhiều doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là quy mô nhỏ, thiếu vốn, khả năng khai thác vốn và năng lực cạnh tranh kém, nhất là khi nước ta đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu.

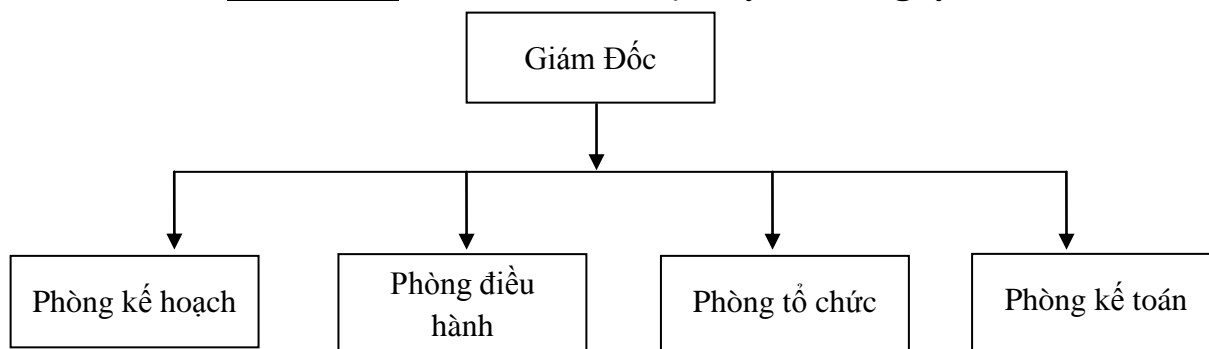
- Hệ thống pháp luật, chính sách thường xuyên có sự thay đổi gây khó khăn cho việc tổ chức, quản lý của doanh nghiệp.

- Do là một doanh nghiệp mới thành lập nên khi đi vào hoạt động công ty gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và mở rộng thị trường, nguồn hàng thu mua còn ít, khách hàng chưa có nhiều.

#### **2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.**

Công ty TNHH Bắc Hải có bộ máy tổ chức tương đối gọn nhẹ để phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

**Biểu số 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy của công ty**



- Chức năng của từng bộ phận:

+ Giám đốc công ty: Là người có quyền quyết định cao nhất, là người đại diện cho tập thể người lao động, chịu trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và là người đại diện về mặt pháp lý của công ty.

+ Phòng tổ chức: Chịu trách nhiệm trước giám đốc về nhân sự, bố trí lao động và thanh toán tiền lương cho công nhân.

+ Phòng điều hành kinh doanh: Chịu trách nhiệm về việc nhập xuất hàng hóa, tìm kiếm thị trường.

+ Phòng kế hoạch: Chịu trách nhiệm trước giám đốc về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty theo từng tháng, quý, năm.

+ Phòng kế toán: Chịu trách nhiệm về quá trình kế toán của công ty.

## **2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.**

Công ty hạch toán hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình kế toán tập trung. Công ty có một phòng kế toán, các hoạt động kinh tế tài chính đều báo cáo về phòng kế toán để hạch toán.

Phòng kế toán có nhiệm vụ tập hợp, phân loại, xử lý chứng từ để ghi vào sổ kế toán chi tiết tổng hợp. Lập báo cáo hàng tháng, quý và quyết toán theo năm.

### **2.2.1. Chức năng và nhiệm vụ của phòng kế toán.**

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời toàn bộ thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ, giúp Giám đốc quản lý và điều hành hoạt động đạt kết quả cao.

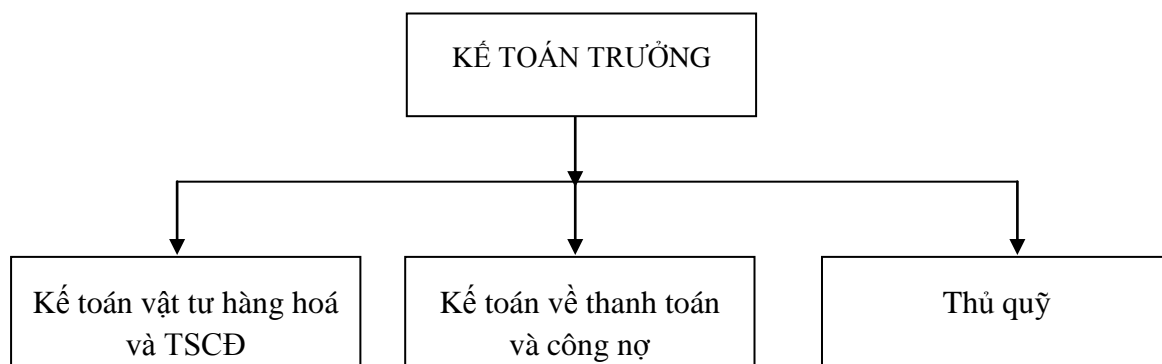
- Phản ánh toàn bộ tài sản hiện có của công ty, cũng như sự vận động của tài sản, giúp Giám đốc quản lý chặt chẽ về tài sản và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản trong công ty.

- Phản ánh đầy đủ và chính xác chi phí bỏ ra trong quá trình sản xuất, tính toán được kết quả sản xuất kinh doanh, kiểm tra việc thực hiện nguyên tắc, tự bù đắp chi phí và có lãi trong sản xuất kinh doanh, thu hồi kịp thời công nợ, quay vòng vốn kinh doanh của công ty.

- Phản được kết quả thu nhập của người lao động nhằm khuyến khích người lao động nâng cao thành quả lao động của mình.

### 2.2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.

**Biểu số 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**



Phòng kế toán có 4 người:

- + 01 kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp
- + 01 thủ quỹ
- + 01 kế toán thanh toán và công nợ
- + 01 kế toán vật tư hàng hoá và tài sản cố định

Để làm tốt những công việc chung dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng, nhiệm vụ của các kế toán được phân như sau:

- Kế toán trưởng:

- + Thiết lập tổ chức bộ máy kế toán của công ty và trực tiếp quản lý, điều hành công tác kế toán phù hợp với đặc điểm, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty;

- + Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu, tổng hợp các số liệu từ các bộ phận khác chuyển sang, thực hiện các bút toán kết chuyển khoá sổ kế toán cuối kỳ, xác định kết quả kinh doanh, lập các Báo cáo tài chính và Báo cáo kế toán;

- + Tổ chức lưu giữ và bảo quản các chứng từ, tài liệu, sổ sách kế toán;

- + Cung cấp các thông tin, số liệu về kế toán cho Giám đốc và cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. Đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo.

- Thủ quỹ:

+ Chịu trách nhiệm về thu chi tiền mặt hàng ngày căn cứ vào chứng từ thu chi, qua các chứng từ gốc theo dõi và sử dụng vốn đúng mục đích, ghi sổ quỹ mỗi ngày.

+ Khi có yêu cầu của cấp trên, thì thủ quỹ và các bộ phận liên quan kiểm kê lại tiền mặt hiện có. Nếu phát hiện thừa hoặc thiếu thì cùng kế toán tìm ra nguyên nhân giải quyết.

- Kế toán thanh toán và công nợ:

+ Có trách nhiệm hạch toán thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng qua các chứng từ. Theo dõi phần thanh toán với khách hàng và phần phải thu của khách hàng. Ghi sổ hàng ngày các TK 111, 112, 131, 331, 141,...

+ Có nhiệm vụ tính lương phải trả cho người lao động, tính toán và theo dõi trích nộp các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ theo quy định.

- Kế toán vật tư hàng hoá, TSCĐ:

Hàng ngày vào sổ kịp thời vật tư hàng hoá, mua vào bán ra của công ty. Đồng thời, phản ánh các nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ, trích và phân bổ khấu hao.

### **2.2.3. Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán.**

#### **2.2.3.1. Chế độ áp dụng.**

- Công ty TNHH Bắc Hải áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng.

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung đồng thời sử dụng phần mềm kế toán máy.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp hạch toán: Kê khai thường xuyên.

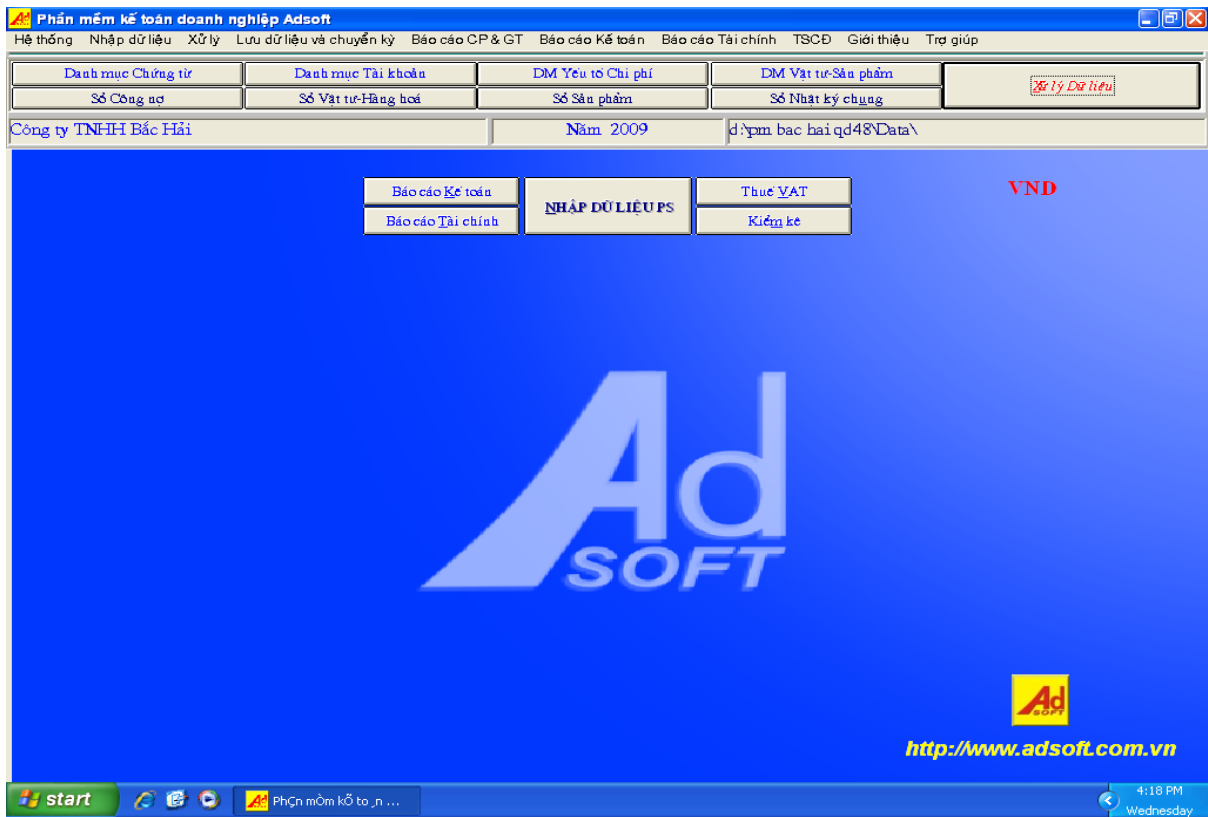
- Kỳ lập báo cáo: Theo tháng, quý, năm.

### **2.2.3.2. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.**

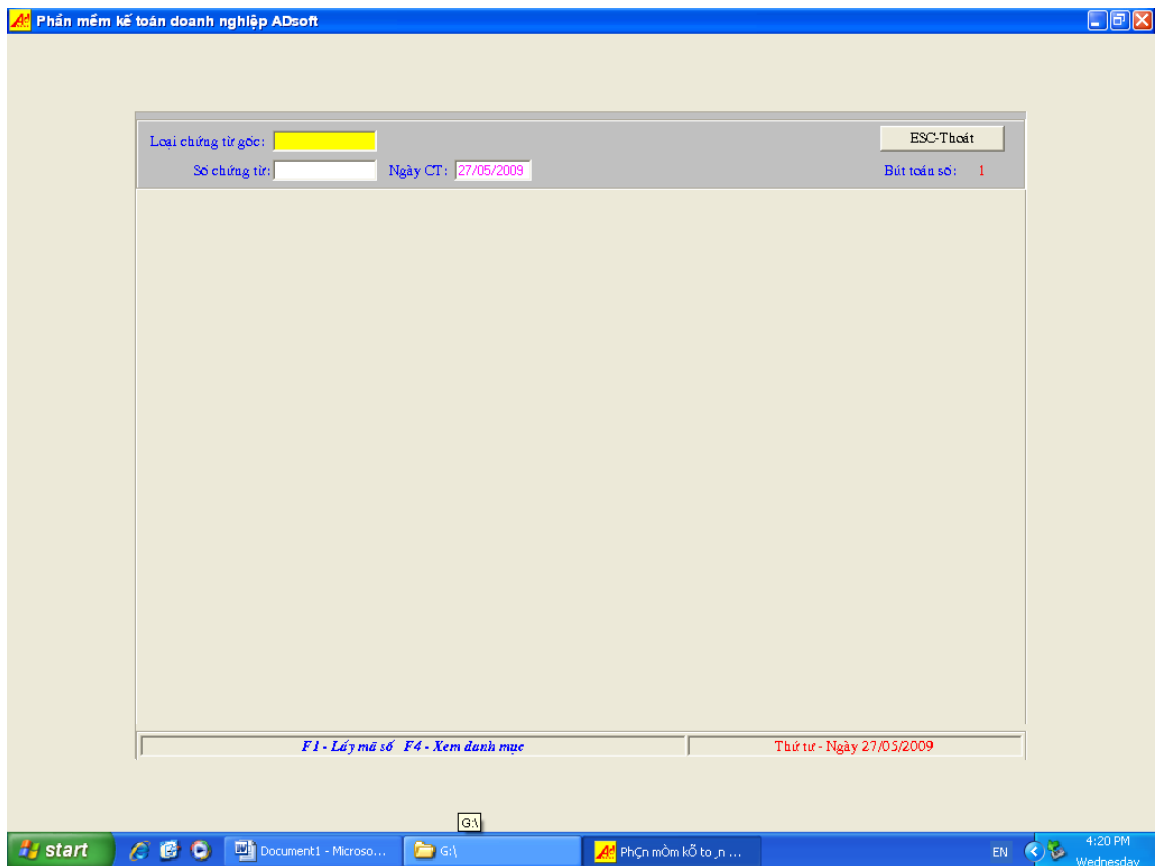
Công ty TNHH Bắc Hải là một doanh nghiệp thương mại có quy mô tương đối nhỏ, số lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh không nhiều nên công ty đã chọn hình thức ghi sổ là Nhật ký chung.

Bên cạnh đó công ty còn sử dụng phần mềm kế toán giúp giải quyết nhanh các thao tác kế toán, đồng thời dữ liệu in ra từ máy được sử dụng làm bản lưu trữ tài liệu tại công ty. Phần mềm được công ty sử dụng là phần mềm kế toán ADsoft được thiết kế theo hình thức Nhật ký chung.

### **Biểu số 2.3: Giao diện phần mềm kế toán theo hình thức Nhật ký chung**



Khi cần nhập dữ liệu cho chứng từ gốc kế toán kích vào ô “Nhập dữ liệu ps”. Phần mềm kế toán sẽ cho ra giao diện sau:



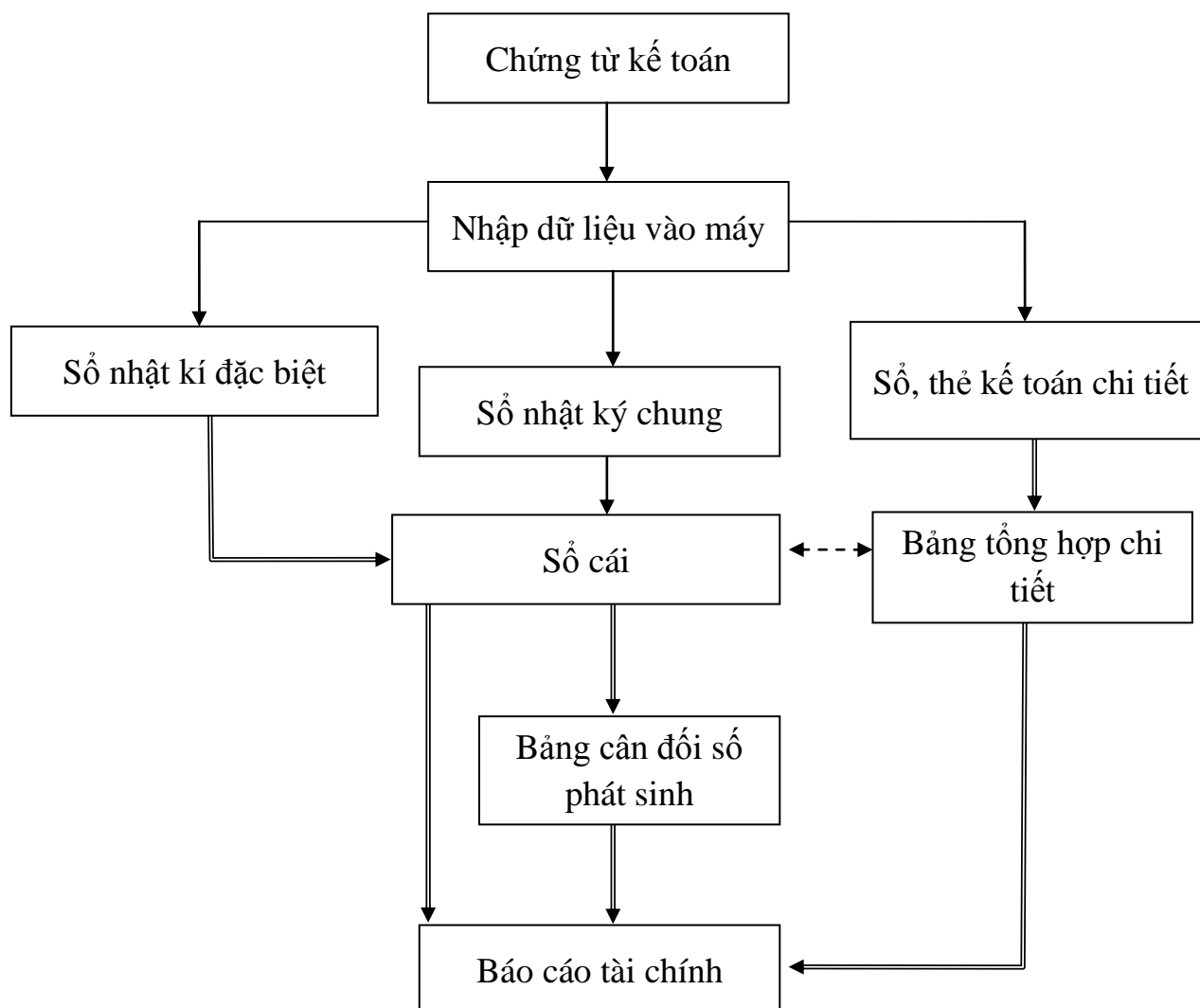
Tất cả các đối tượng cần quản lý trong doanh nghiệp đã được mã hoá, khai báo và cài đặt trong chương trình phần mềm kế toán do đó chỉ cần nhập ký hiệu của chứng từ gốc vào ô “Loại chứng từ gốc” ấn enter sẽ cho ra giao diện sau: (Ví dụ chứng từ gốc là hoá đơn GTGT)

Để nhập dữ liệu cho Mã đối tượng, kích vào ô “Mã đối tượng” ấn phím F1 hoặc kích chuột phải sẽ cho ra bảng danh mục đối tượng, kế toán lựa chọn đối tượng cần tìm, nếu mã đối tượng chưa có trong danh mục phải tạo mã đối tượng mới. Tương tự cho các ô Mã kho, Vật tư sản phẩm, Mã yếu tố chi phí.

Sau khi nhập xong dữ liệu ấn enter, phần mềm sẽ tự động cho ra kết quả ở ô thành tiền. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin sẽ được tự động nhập vào các sổ, thẻ liên quan. Để sửa số liệu kích vào ô “Sổ Nhật ký chung”, hoặc kích vào các ô “Sổ công nợ”, “Sổ Vật tư-hàng hoá” để tìm nghiệp vụ cần sửa sau đó sửa trên sổ Nhật ký chung. Để xem lại số liệu trên các sổ, kích vào các ô Báo cáo kế toán, Báo cáo tài chính, Thuế VAT, Kiểm kê. Cuối tháng, kế toán tiến hành các thao tác cộng sổ, lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu số liệu giữa sổ tổng hợp và sổ chi tiết được thực hiện tự động, luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo các thông tin đã được nhập trong kỳ. Kế toán có thể kiểm tra số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.



**Biểu số 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ tại công ty TNHH Bắc Hải**



**Ghi chú:**

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> Ghi sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←- - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

### 2.2.3.3. Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của công ty được lập theo mẫu quy định của Bộ tài chính. Cuối mỗi năm, kế toán tiến hành lập các Báo cáo tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán: Kế toán lập bảng cân đối kế toán dựa trên cơ sở số liệu của các sổ tổng hợp, sổ kế toán chi tiết và báo cáo tài chính năm trước.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Cuối năm kế toán căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước, sổ kế toán trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 7 và TK 133, TK 331 để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước đó.

Thuyết minh báo cáo tài chính: Để lập báo cáo tài chính cuối năm, kế toán căn cứ vào sổ kế toán năm đó, bảng cân đối kế toán năm đó, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính năm trước.

### **2.3. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Bắc Hải.**

#### **2.3.1. Một số đặc điểm cơ bản về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Bắc Hải.**

##### **2.3.1.1. Phương thức bán hàng.**

Trong hoạt động tiêu thụ hàng hoá ở công ty thì ngoài việc tìm kiếm được khách hàng còn phải chọn được phương thức bán hàng hợp lý. Công ty TNHH Bắc Hải đã sử dụng hai phương thức bán hàng chủ yếu là : bán buôn và bán lẻ.

- *Bán buôn* : Là hình thức bán chủ yếu của công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng hàng hoá tiêu thụ. Những đối tượng bán buôn thường là các doanh nghiệp tư nhân có nhu cầu kinh doanh các sản phẩm về vật tư nông nghiệp chủ yếu ở thị trường Hải Phòng, Thái Bình, Vĩnh Phúc.

- *Bán lẻ* : Là phương thức giúp doanh nghiệp tiêu thụ hàng nhanh hơn. Phương thức này chiếm tỷ trọng không lớn trong khối lượng hàng hoá bán ra. Khách hàng chủ yếu là những cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua để kinh doanh. Bán lẻ thường với số lượng ít và người mua thường phải thanh toán ngay toàn bộ giá trị hàng hoá vừa mua.

### **2.3.1.2. Phương thức thanh toán.**

Về phương thức thanh toán tiền hàng đã được ghi rõ trong hợp đồng kinh tế hoặc đã được thoả thuận giữa hai bên về mua bán hàng hoá. Công ty thường áp dụng 2 phương pháp thanh toán chủ yếu là:

- Phương thức thanh toán trực tiếp: trả cho đối tác bằng tiền mặt, uỷ nhiệm chi, chuyển khoản, séc...
- Phương thức thanh toán chậm trả (mua chịu).

### **2.3.1.3. Phương pháp tính giá hàng xuất kho.**

Hiện nay Công ty TNHH Bắc Hải kinh doanh mặt hàng vật tư nông nghiệp. Đây là mặt hàng chủ yếu trong ngành nông nghiệp. Ở nước ta nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn nên đây là mặt hàng có nhu cầu cao. Trong quá trình tiêu thụ, công ty xuất bán hàng hoá theo giá thị trường mà giá thị trường thì luôn có xu hướng thay đổi nên công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá hàng hoá xuất kho. Cuối tháng, kế toán sẽ tập hợp lượng hàng hoá nhập, xuất ; giá trị hàng nhập kho trong tháng để tính giá vốn hàng xuất bán. Trị giá thực tế hàng xuất kho được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá mua của} \\ \text{hàng hoá xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{hoá xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá mua đơn vị} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

Trong đó : giá bình quân hàng hoá nhập kho trong tháng là:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị thực tế} \\ \text{bình quân gq} \\ \text{cả kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của hàng} \\ \text{hoá tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá mua thực tế của} \\ \text{hàng hoá nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hoá} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

### **2.3.2. Phương pháp hạch toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Bắc Hải.**

### **2.3.2.1. Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn GTGT:

Hoá đơn giá trị gia tăng là loại chứng từ phản ánh hàng hoá bán ra cho khách hàng bên ngoài, là căn cứ để đơn vị hạch toán doanh thu, người mua hàng sẽ làm chứng từ đi đường và ghi vào sổ kế toán. Hoá đơn giá trị gia tăng gồm 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại phòng kế toán
  - Liên 2: Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán
  - Liên 3: Chuyển cho thủ kho để ghi thẻ kho, sau đó chuyển cho phòng kế toán để kế toán ghi sổ và làm thủ tục thanh toán (nếu chưa trả tiền)
- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho
  - Phiếu thu, phiếu chi
  - Các chứng từ khác có liên quan

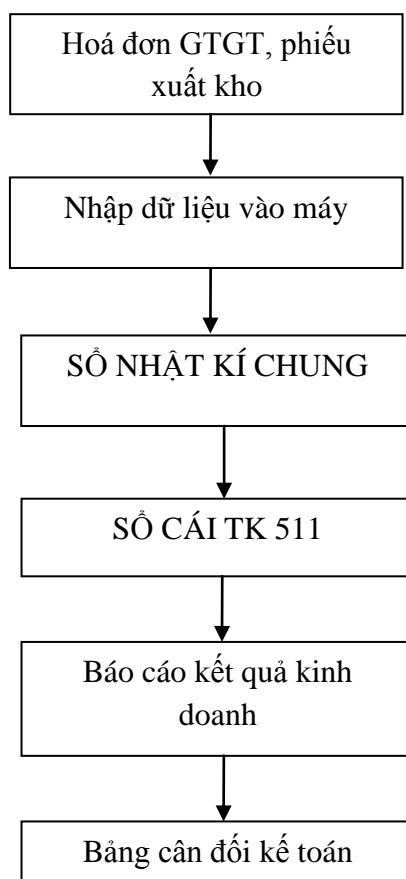
### **2.3.2.2. Tài khoản sử dụng.**

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán.
- Tài khoản 641: Chi phí bán hàng.
- Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Tài khoản 635: Chi phí tài chính.
- Tài khoản 711: Thu nhập khác.
- Tài khoản 811: Chi phí khác.
- Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

### **2.3.2.3. Quy trình hạch toán.**

#### **2.3.2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

**Biểu số 2.5: Trình tự luân chuyển chứng từ trong hạch toán doanh thu bán hàng**



- Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại công ty như sau:

Khi có nghiệp vụ xuất bán hàng hoá thủ kho viết phiếu xuất kho. Khi xuất kho, thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hoá có đúng với quy định trong phiếu xuất kho hay không. Từ đó kế toán vật tư hàng hoá sẽ lập hoá đơn GTGT về bán hàng hoá. Sau đó chuyển cho kế toán tổng hợp nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán.

Ví dụ: Ngày 11/12 Xuất bán 300 tấn đạm UREA cho công ty CP VTNN Pháp Vân (Thuế suất VAT 5%)

- Trình tự tiến hành trên máy:

Căn cứ vào hoá đơn GTGT kế toán mở chương trình kế toán máy. Từ màn hình chính, kế toán kích vào ô “Nhập dữ liệu ps”. Sau đó, nhập ký hiệu HD đối với hoá đơn GTGT vào ô: “Loại chứng từ gốc” ấn enter. Khi đó xuất hiện giao diện “Nhập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh [Chế độ: VNĐ]”. Kế toán tiến hành nhập đầy đủ các thông tin về hoá đơn GTGT vào các ô có liên quan.

## Khoá luận tốt nghiệp

Đề nhập dữ liệu cho “Mã tài khoản”, phần “Bên nợ” kế toán nhập số hiệu tài khoản 131, phần mềm sẽ hiểu đây là tài khoản “Phải thu của khách hàng”; “Bên có” kế toán nhập số hiệu tài khoản 5111 phần mềm sẽ cho ra tên tài khoản “Doanh thu bán hàng hoá”. Đề nhập dữ liệu cho Mã đối tượng, kích vào ô “Mã đối tượng” ấn phím F1 hoặc kích chuột phải sẽ cho ra bảng danh mục đối tượng, kế toán chọn đối tượng “Pháp Vân”. Tương tự cho các ô Mã kho, Vật tư sản phẩm, Mã yếu tố chi phí. Sau khi nhập xong ô “Số lượng”, “Đơn giá” ấn enter phần mềm sẽ tự động cho ra kết quả ở ô “Thành tiền”. Khi đã nhập xong tất cả dữ liệu, phần mềm kế toán sẽ tự động vào sổ Nhật ký chung, Sổ Cái.

The screenshot shows a software window titled "Nhập các Nghiệp vụ kinh tế phát sinh [Hệ độ tiền tệ : VND]". The main form is for creating an invoice ("HOA ĐƠN BÁN HÀNG").

**Invoice Details:**  
Loại chứng từ gốc: HD (Invoice)  
Số chứng từ: 09  
Ngày CT: 11/12/2009  
Bút toán số: 3

**Transaction Description:** Xuất bán Đạm UREA cho Công ty CP VTNN Pháp Vân

**Accounting Entries:**

Mã Tài khoản	Mã Đối tượng	Mã Kho	Vật tư: Sản phẩm	Mã Yếu tố Chi phí
131	Pháp Vân			
5111		k1	Đạm UREA	

**Financial Summary:**  
Số lượng: [ ] Đơn vị tính: [ ] Đơn giá B: [ ]  
Thành tiền: 1,440,000,000 VND  
Thuế suất VAT: 5%  
Thuế: 68,571,429 VND  
Thành tiền VND: 1,371,428,571 VND

**Customer Information:**  
Người giao dịch: Công ty CP VTNN Pháp Vân  
Địa chỉ giao dịch: Hoàng Liet - Hoàng Mai - Hà Nội  
Mã Số Thuế: 0101499875

**Company Information:**  
Pháp nhân: Công ty CP VTNN Pháp V  
Địa chỉ: Hoàng Liet - Hoàng Mai  
Mã Số Thuế: 0101499875

**Invoice Details:**  
Số HĐ thuế: 09  
Ngày HĐ: 11/12/2009  
Ký hiệu HĐ: BV  
Nhóm hoá đơn: 1  
Mặt hàng: Đạm UREA

Buttons: Nhập, ESC-Thoát

Footer: F1 - Lấy mã số F4 - Xem danh mục | Thứ tư - Ngày 27/05/2009

**Biểu số 2.6:**

CÔNG TY TNHH BẮC HẢI

Mẫu số 02: VT

Số 131- Bạch Đằng- Hồng Bàng- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 11 tháng 12 năm 2008

Nợ 632

Số: **01**

Có 156

- Họ và tên người nhận hàng: Công ty Cổ phần VTNN Pháp Vân - Địa chỉ:

- Lý do xuất kho: Xuất bán đạm UREA cho công ty CP VTNN Pháp Vân

- Xuất tại kho(ngăn lô): K1

- Địa điểm:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	1	Urea	tấn	300	.....	4.599.707,5	1.379.912.273
TỔNG CỘNG							1.379.912.273

Bảng chữ: một tỉ ba trăm bảy mươi chín triệu chín trăm mười hai nghìn hai trăm bảy ba đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày... tháng... năm....

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.7:**

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
Liên 2: Giao khách hàng  
Ngày 11/12/2008

Mẫu số:01GTKT- 3LL  
**QU/2008B**  
005625

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Bắc Hải  
- Địa chỉ: Số 131- Bạch Đằng- Hồng Bàng-HP  
- Số TK  
- Điện thoại MST: 0200587508

Họ tên người mua hàng:  
- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần VTNN Pháp Vân  
- Địa chỉ: Hoàng Liệt- Hoàng Mai- Hà Nội  
- Số TK  
- Hình thức thanh toán: TM,CK MS: 0101499875

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đạm urea	tấn	300	4.571.428	1.371.428.571
Cộng tiền hàng					1.371.428.571
Thuế suất thuế GTGT5% Tiền thuế GTGT					68.571.429
Tổng cộng tiền thanh toán					1.440.000.000

Số tiền viết bằng chữ: *một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng chẵn.*

Người mua hàng                      Người bán hàng                      Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, ghi rõ họ tên)                      (Ký, ghi rõ họ tên)                      (Ký, đóng dấu, ghi rõ, họ tên)



**Biểu số 2.8:**

**CÔNG TY TNHH BẮC HẢI**  
**Số 131- Bạch Đằng- Hồng Bàng- Hải Phòng**

**Mẫu số S03a-DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Kỳ phát sinh: Tháng 12 năm 2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
11/12/2008	HD 87177	11/12/2008	Xuất bán đạm urea cho công ty CP VTNN Pháp Vân	x	132	131	1.440.000.000	
11/12/2008	HD 87177	11/12/2008	Xuất bán đạm urea cho công ty CP VTNN Pháp Vân	x	133	5111		1.371.428.571
11/12/2008	HD 87177	11/12/2008	Xuất bán đạm urea cho công ty CP VTNN Pháp Vân	x	134	33311		68.571.429
11/12/2008	TDXK87177	11/12/2008	Xuất bán đạm urea cho công ty CP VTNN Pháp Vân	x	135	632	1.379.912.273	
11/12/2008	TDXK87177	11/12/2008	Xuất bán đạm urea cho công ty CP VTNN Pháp Vân	x	136	156		1.379.912.273
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....

Ngày..... tháng..... năm 2008

**Người ghi sổ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Biểu số 2.9:**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**511 – Doanh thu bán hàng**

Năm 2008

Trang : 01

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	131	Phải thu của khách hàng		130.507.085.758
2	331	Phải trả cho người bán		1.102.500.000
3	531	Hàng bán bị trả lại	1.096.666.667	
4	532	Giảm giá hàng bán		44.190.432
5	911	Xác định kết quả kinh doanh	130.557.109.523	
TỔNG CỘNG			<b>131.653.776.190</b>	<b>131.653.776.190</b>

\* Số dư đầu kỳ Nợ: **0 VND**

\* Số dư cuối kỳ Nợ: **0 VND**

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

### **2.3.2.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.**

Do kinh doanh mặt hàng vật tư nông nghiệp- một mặt hàng luôn đòi hỏi chất lượng cao nên Công ty TNHH Bắc Hải đã chọn cho mình những nhà cung cấp hàng đầu. Bên cạnh đó công ty đã có những cải tiến trong quá trình mua và tiêu thụ sản phẩm nhưng vẫn tồn tại một số lượng hàng bán bị trả lại gây giảm trừ doanh thu. Lý do có thể do khâu vận chuyển, bảo quản dẫn đến hàng bị giảm chất lượng hoặc sai sót so với yêu cầu chung...Giá trị của hàng bán bị trả lại sẽ điều chỉnh doanh thu thuần của số lượng hàng bán ra trong kỳ.

Bên cạnh đó, công ty cũng áp dụng mức giảm giá hàng bán cho những hàng hoá có sai sót về quy cách, phẩm chất so với điều khoản ghi trong hợp đồng. Tỷ lệ giảm giá phụ thuộc vào khối lượng hàng mà khách hàng mua. Giảm giá hàng bán được ghi nhận khi 2 bên bán và mua đồng ý giảm giá cho khối lượng hàng hoá đã bán, và người mua chấp nhận mua số hàng đó với điều kiện bên bán giảm giá bán.

Chiết khấu thương mại là một trong những phương thức nhằm kích thích tiêu thụ hàng hoá rất hữu hiệu. Nghĩa là khách hàng sẽ được hưởng tỷ lệ phần trăm, giảm trừ tương ứng với khối lượng mua theo quy định. Tuy nhiên tại công ty không áp dụng phương thức này trong kinh doanh hàng hoá. Vì thế không sử dụng TK 521.

- Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng các tài khoản:

+ TK 531: Hàng bán bị trả lại

+ TK 532: Giảm giá hàng bán

- Sổ sách sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ Cái

+ Chứng từ liên quan khác

- Quy trình luân chuyển các khoản giảm trừ doanh thu:

Căn cứ vào các chứng gốc như phiếu giảm giá, biên bản nhận hàng trả lại... từ màn hình chính kế toán chọn “Nhập dữ liệu ps”. Kế toán tiếp tục nhập ký hiệu chứng từ gốc vào ô “Loại chứng từ gốc” ấn enter. Sau đó nhập các dữ

liệu của chứng từ gốc vào các ô cần nhập. Quy trình của phần mềm kế toán sẽ tự động nhập dữ liệu vào các sổ liên quan.

### **2.3.2.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.**

- Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán:

Kế toán căn cứ vào đơn giá bình quân gia quyền cả kì tính giá vốn cho những lần xuất kho trong kì. Khi khách hàng có nhu cầu mua hàng, kế toán sẽ viết hoá đơn GTGT, sau đó chuyển xuống kho để thủ kho lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

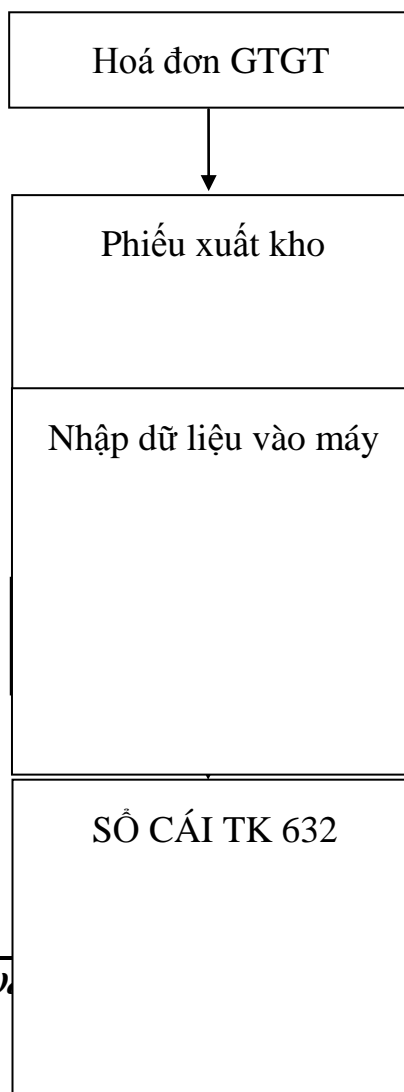
Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu

Liên 2: Thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán ghi sổ kế toán

Liên 3: Giao cho khách hàng

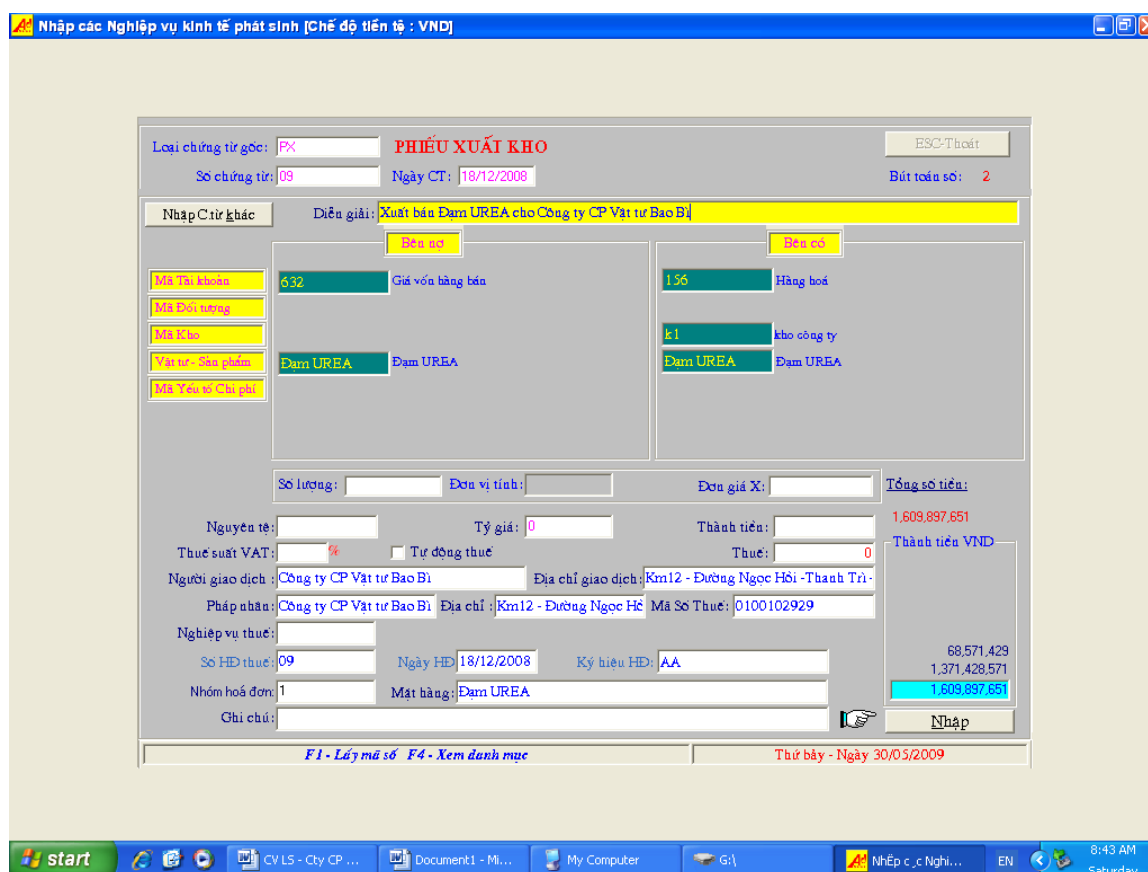
Sau đó từ những Phiếu xuất kho kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán sẽ tự động vào sổ Nhật ký chung, sổ Cái.

### **Biểu số 2.10: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán**



- Trình tự tiến hành trên máy:

Từ màn hình chính kế toán chọn ô “Nhập dữ liệu ps”, sau đó nhập ký hiệu “PX” của phiếu xuất kho vào ô “Loại chứng từ gốc” ấn enter. Tiếp tục nhập các số liệu trong chứng từ gốc như sau: Để nhập dữ liệu cho ô “Mã Tài khoản” phần “Bên nợ”, kế toán nhập số hiệu tài khoản 632, phần mềm sẽ cho ra tên tài khoản “Giá vốn hàng bán”; phần “Bên có” nhập số hiệu tài khoản 156, phần mềm sẽ cho ra tên tài khoản là “Hàng hoá”. Để nhập dữ liệu cho ô “Mã kho”, ấn phím F1 sẽ cho ra danh mục mã kho, kế toán lựa chọn “k1” phần mềm sẽ hiểu là “kho công ty”. Tương tự như vậy với ô “Vật tư- sản phẩm”. Sau khi đã nhập xong ấn enter, phần mềm sẽ tự động cho ra kết quả ở ô “Tổng số tiền” và số liệu được cập nhật tự động vào sổ Nhật ký chung, Sổ Cái.



Ví dụ: Ngày 18/12 xuất bán 350 tấn đạm urea cho Công ty Vật tư Bao Bì (thuế suất VAT 5%). Từ nghiệp vụ này sẽ có các chứng từ, sổ sách sau:

**Biểu số 2.11:**

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
**Liên 2: Giao khách hàng**  
Ngày 18/12/2008

Mẫu số: 01GTKT-LL  
**QU/2008B**  
**003256**

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Bắc Hải

- Địa chỉ: Số 131- Bạch Đằng- Hồng Bàng-HP

- Số TK

- Điện thoại MST: 0200587508

Họ tên người mua hàng:

- Tên đơn vị: Công ty cổ phần Vật tư Bao Bì

- Địa chỉ: Thái Bình

-Số TK

- Hình thức thanh toán: TM,CK MST:0200662755

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đạm urea	tấn	350	4.590.476,19	1.606.666.667
Cộng tiền hàng					1.606.666.667
Thuế suất thuế GTGT5% Tiền thuế GTGT					80.333.333
Tổng cộng tiền thanh toán					1.687.000.000

Số tiền viết bằng chữ: *một tỷ sáu trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn.*

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ, họ tên)

**Biểu số 2.12:**

**CÔNG TY TNHH BẮC HẢI**

Số 131- Bạch Đằng- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số 02: VT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 18 tháng 12 năm 2008

Số: **09**

Nợ 632

Có 156

- Họ và tên người nhận hàng: Công ty Vật tư Bao Bì Bình - Địa chỉ: Thái Bình

- Lý do xuất kho: Xuất bán đạm UREA cho công ty Công ty Vật tư Bao Bì

- Xuất tại kho(ngăn lô): K1 - Địa điểm:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	1.609.897.651	Urea	tấn	350	.....	4.599.707,5	1.609.897.651
<b>TỔNG CỘNG</b>							1.609.897.651

Bằng chữ: *một tỷ sáu trăm linh chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi một đồng.*

- Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày... tháng... năm...

**Người lập  
phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người nhận  
hàng**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Kế toán  
trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.13:**

**CÔNG TY TNHH BẮC HẢI**  
**Số 131- Bạch Đằng- Hồng Bàng- Hải Phòng**

**Mẫu số S03a-DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Kỳ phát sinh: Tháng 12 năm 2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
18/12/2008	HD 87183	18/12/2008	Xuất bán đạm urea cho công ty Cổ phần Vật tư Bao Bì	x	132	131	1.687.000.000	
18/12/2008	HD 87183	18/12/2008	Xuất bán đạm urea cho công ty Cổ phần Vật tư Bao Bì	x	133	5111		1.606.666.667
18/12/2008	HD 87183	18/12/2008	Xuất bán đạm urea cho công ty Cổ phần Vật tư Bao Bì	x	134	33311		80.333.333
18/12/2008	TDXK87183	18/12/2008	Xuất bán đạm urea cho công ty Cổ phần Vật tư Bao Bì	x	135	632	1.609.897.651	
18/12/2008	TDXK87183	18/12/2008	Xuất bán đạm urea cho công ty Cổ phần Vật tư Bao Bì	x	136	156		1.609.897.651

Ngày..... tháng..... năm 2008

**Người ghi sổ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



**Biểu số 2.14:**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**632 - Giá vốn hàng bán**

Năm 2008

Trang : 01

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	156	Hàng hoá	126.760.023.092	1.096.666.667
2	1562	Chi phí vận chuyển	599.857.071	
3	911	Xác định kết quả kinh doanh		126.263.213.496
TỔNG CỘNG			<b>127.359.880.163</b>	<b>127.359.880.163</b>

\* Số dư đầu kỳ    Nợ:    0 VND

\* Số dư cuối kỳ    Nợ:    0 VND

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

#### **2.3.2.3.4. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính.**

- *Kế toán chi phí bán hàng trong doanh nghiệp:*

Chi phí bán hàng là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp hàng hoá, dịch vụ bao gồm chi phí lưu kho bãi, chi phí bảo quản, vận chuyển...

- TK sử dụng:

Đề hạch toán chi phí bán hàng công ty sử dụng TK 641 “chi phí bán hàng”.

- Sổ kế toán sử dụng:

- + Sổ Nhật ký chung

- + Sổ Cái

- + Các chứng từ liên quan như phiếu chi, Hoá đơn GTGT

Cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 “xác định kết quả kinh doanh”.

- *Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:*

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về lương nhân viên quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- TK sử dụng: Công ty sử dụng TK 642 để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Sổ sách chứng từ sử dụng: + Sổ Cái, Sổ Nhật ký chung

- + Sổ Lương

- + Các chứng từ liên quan

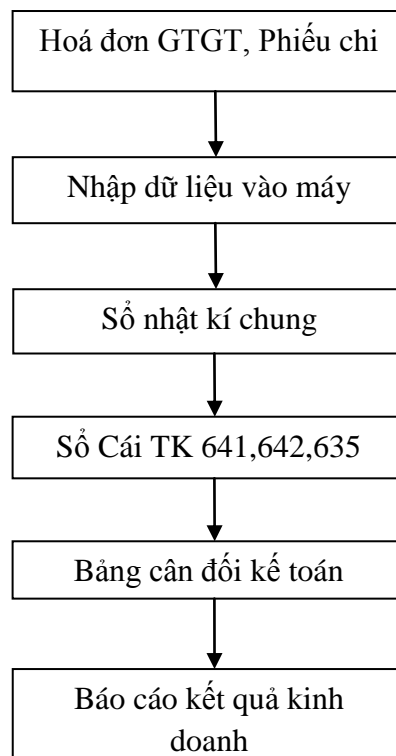
- *Kế toán chi phí tài chính:* Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, chi phí góp vốn liên doanh liên kết.

- Đề hạch toán chi phí tài chính kế toán sử dụng TK 635 “Chi phí tài chính”. Chi phí tài chính của công ty TNHH Bắc Hải chỉ phát sinh khi có nghiệp vụ ghi nhận lãi tiền vay.

- Sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng:

- + Giấy báo có của ngân hàng
- + Phiếu chi
- + Sổ Cái
- + Sổ Nhật ký chung

**Biểu số 2.15: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí tài chính**



- Quá trình luân chuyển chứng từ trên máy được thực hiện như sau:

Từ các chứng từ gốc là hoá đơn GTGT, Phiếu chi kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán. Từ giao diện chính kế toán kích vào ô “Nhập dữ liệu ps”, sau đó nhập ký hiệu “PC” của chứng từ Phiếu chi vào ô “Loại chứng từ gốc” ấn enter, được giao diện mới. Từ giao diện này kế toán tiến hành nhập đầy đủ các thông tin liên quan đến Phiếu chi vào các ô như: “Số chứng từ”, “Ngày chứng từ”, “Mã tài khoản”, “Thành tiền”, “Người giao dịch”, “Địa chỉ giao dịch”, “Ngày HD”. Sau khi nhập xong ấn enter, phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào các Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái.

Ví dụ: Ngày 23/12 phí lưu kho tháng 9+10+11 của công ty CP XNK VTNN & Nông Sản: 8.465.00đ. Từ nghiệp vụ trên căn cứ vào phiếu chi nhập số liệu vào phần mềm kế toán như sau:

Nhập các Nghiệp vụ kinh tế phát sinh [Chế độ tiền tệ : VND]

Loại chứng từ gốc:  **PHIẾU CHI TIỀN MẶT** ESC/Thoát

Số chứng từ:  Ngày CT:  Bút toán số:

Nhập C từ khác: Diễn giải: Thanh toán tiền phí lưu kho cho Công ty VTNN & Nông Sản

Mã Tài khoản	635	Chi phí tài chính	1111	Tiền Việt Nam
Mã Dấu hàng				
Mã Loại				
Yếu tố - Số phân				
Mã Yếu tố Chi phí				

Tổng số tiền: 8,465,000

Nguyên tệ:  Tỷ giá:  Thành tiền:  8,465,000

Thuế suất VAT:   Tự động thuế Thuế:  Thành tiền VND

Người giao dịch: Nguyễn Thu Huyền Địa chỉ giao dịch: Thủ quỹ

Pháp nhân:  Địa chỉ:  Mã Số Thuế:

Nghiệp vụ thuế:

Số HD thuế:  Ngày HD:  Ký hiệu HD:

Nhóm hoá đơn:  Mật hàng:

Chi chú:

F1 - Lấy mã số F4 - Xem danh mục Thứ bảy - Ngày 30/05/2009

start CV LS - Cty CP ... Document1 - Mi... My Computer G:\ Nhép c\_c Nghi... EN 8:47 AM Saturday

**Biểu số 2.16:**

Công ty TNHH Bắc Hải

Địa chỉ: Số 131- Bạch Đằng- Hồng Bàng-  
Hải Phòng

Điện thoại:0313242457. Fax:

**Mẫu số : 02- TT**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 23 tháng 12 năm 2008*

Nợ : **635**

Có :**1111**

Quyển số:

.....

Số: **06**

8.465.000 đồng

8.465.000 đồng

**Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thu Huyền**

**Địa chỉ:** Thủ quỹ

**Lý do chi:** Thanh toán tiền phí lưu kho cho Công ty VTNN &

**Số tiền:** 8.465.000 đồng (**viết bằng chữ:** tám triệu bốn trăm sáu mươi  
năm nghìn đồng)

**Kèm theo:** Chứng từ gốc

*Ngày..... tháng... năm.....*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận</b>
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu):.....

**Biểu số 2.17:**

Công ty TNHH Bắc Hải  
Địa chỉ: Số 131- Bạch Đằng- Hồng Bàng-  
Hải Phòng  
Điện thoại:0313242457. Fax:

**Mẫu số : 02- TT**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Ngày 1 tháng 12 năm 2008*

Nợ : **635**  
Có : **1111**

Quyển số:  
.....  
Số: **06**  
12.000 đồng  
12.000 đồng

**Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thu Huyền**

**Địa chỉ:** Thủ quỹ

**Lý do chi:** Thanh toán tiền

**Số tiền:** 12.000 đồng (**viết bằng chữ: mười hai nghìn đồng**)

**Kèm theo:** Chứng từ gốc

*Ngày..... tháng... năm.....*

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận</b>
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):.....  
+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):.....  
+ Số tiền quy đổi:.....  
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu):.....

**Biểu số 2.18:**

**CÔNG TY TNHH BẮC HẢI**

**Số 131- Bạch Đằng- Hồng Bàng- Hải Phòng**

**Mẫu số S03a-DNN**

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Kỳ phát sinh: Tháng 12 năm 2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
01/12/2008	PC 01	01/12/2008	Thanh toán tiền phôtô tài liệu	x	1	642	12.000	
01/12/2008	PC 01	01/12/2008	Thanh toán tiền phôtô tài liệu	x	2	1111		12.000
01/12/2008	PKT 36566	23/12/2008	Phí lưu kho tháng 9+10+11/08 của công ty CP XNK VTNN & Nông Sản	x	7	641	8.465.000	
01/12/2008	PKT 36566	23/12/2008	Phí lưu kho tháng 9+10+11/08 của công ty CP XNK VTNN & Nông Sản	x	8	1331	846.500	
01/12/2008	PKT 36566	23/12/2008	Phí lưu kho tháng 9+10+11/08 của công ty CP XNK VTNN & Nông Sản	x	9	331		9.311.500
23/12/2008	PC 24	25/12/2008	Thanh toán tiền hàng cho Công ty CP VTNN Pháp Vân	x	247	635	2.585.737	
23/12/2008	PC 24	25/12/2008	Thanh toán tiền hàng cho Công ty CP VTNN Pháp Vân	x	248	1111		2.585.737

Ngày..... tháng..... năm 2008

**Người ghi sổ**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Biểu số 2.19:**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**641- Chi phí bán hàng**

Năm 2008

Trang : 01

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	1111	Tiền Việt Nam	12.276.364	
2	131	Phải thu của khách hàng	1.778.000	
3	2141	Hao mòn tài sản cố định hữu hình	436.065.789	
4	331	Phải trả cho người bán	1.556.420.350	
5	911	Xác định kết quả kinh doanh		2.006.540.503
TỔNG CỘNG			<b>2.006.540.503</b>	<b>2.006.540.503</b>

\* Số dư đầu kỳ    Nợ:    0 VND

\* Số dư cuối kỳ    Nợ:    0 VND

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)



**Biểu số 2.20:**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**642- chi phí quản lý doanh nghiệp**

Năm 2008

Trang : 01

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	1111	Tiền Việt Nam	125.427.721	
2	11213	Ngân hàng No&PTNT chi nhánh Hồng Bàng HP	19.414.195	
3	11216	Ngân hàng ngoại thương Việt Nam CNHP	1.175.075	
4	11217	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển HP	19.706.781	
5	11218	Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu- CNHP	13.942.200	
6	242	Chi phí trả trước dài hạn	14.014.136	
7	331	Phải trả cho người bán	6.603.637	
8	3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	24.836.000	
9	3338	Các loại thuế khác	1.500.000	
10	3341	Lương của cán bộ công nhân viên trong công ty	405.499.910	
11	3383	Bảo hiểm xã hội	8.021.475	
12	3384	Bảo hiểm y tế	1.069.530	
13	711	Thu nhập khác	10.000.000	
14	911	Xác định kết quả kinh doanh		651.210.660
TỔNG CỘNG			<b>1.513.510.935</b>	<b>1.513.510.935</b>

\* Số dư đầu kỳ Nợ: 0 VND

\* Số dư cuối kỳ Nợ: 0 VND

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.21:**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**635 - Chi phí tài chính**

Năm 2008

Trang : 01

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	1111	Tiền Việt Nam	204.084.537	
2	11213	Ngân hàng No&PTNT chi nhánh Hồng Bàng HP	175.160.676	
3	11218	Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu - CNHP	1.134.265.722	
4	911	Xác định kết quả kinh doanh		1.513.510.935
TỔNG CỘNG			<b>1.513.510.935</b>	<b>1.513.510.935</b>

\* Số dư đầu kỳ Nợ: 0 VND

\* Số dư cuối kỳ Nợ: 0 VND

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

### **2.3.2.3.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Bắc Hải chỉ bao gồm lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, Công ty sử dụng tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”.

- *Sổ sách, chứng từ sử dụng:*

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ Cái

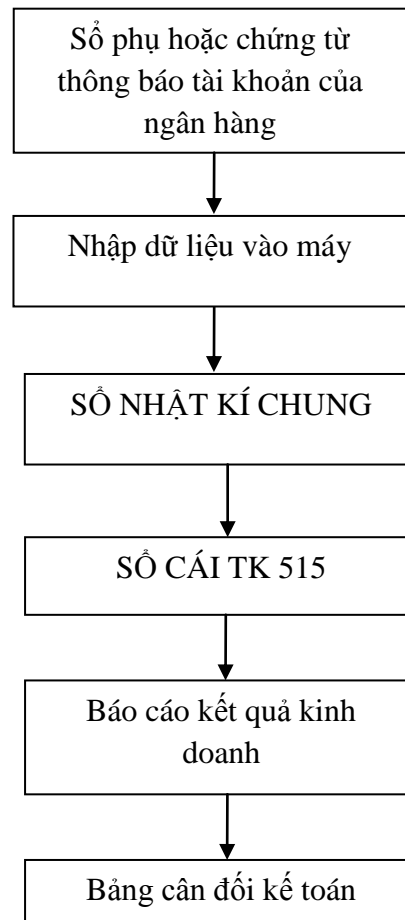
+ Các chứng từ liên quan như: giấy báo nợ của ngân hàng, sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo TK của ngân hàng.

Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- *Quy trình luân chuyển chứng từ bằng phần mềm kế toán:*

Từ các chứng từ gốc liên quan kế toán vào phần “Nhập dữ liệu ps”. Khi đó phần mềm kế toán sẽ cho ra một giao diện để nhập chi tiết các số liệu của chứng từ gốc. Kế toán nhập ký hiệu của chứng từ gốc vào ô “Loại chứng từ gốc”, ấn enter sau đó nhập số liệu vào các ô cần nhập. Sau khi đã nhập xong dữ liệu, phần mềm kế toán sẽ tự động vào các sổ Nhật ký chung, Sổ Cái.

**Biểu số 2.22: Trình tự luân chuyển chứng từ trong hạch toán doanh thu tài chính**



**Biểu số 2.23:**

**CÔNG TY TNHH BẮC HẢI**  
**Số 131- Bạch Đằng- Hồng Bàng- Hải Phòng**

**Mẫu số S03a-DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Kỳ phát sinh: Tháng 12 năm 2008

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT đồng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
31/12/2008	NH PHL	31/12/2008	Ngân hàng đầu tư và phát triển HP nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	x	469	11217	434.585	
31/12/2008	NH PHL	31/12/2008	Ngân hàng đầu tư và phát triển HP nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	x	470	515		434.585
31/12/2008	NH pnl	31/12/2008	Ngân hàng GP Bank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	x	471	11218	80.830	
31/12/2008	NH pnl	31/12/2008	Ngân hàng GP Bank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	x	472	515		80.830
31/12/2008	NH PNL	31/12/2008	NH Ngoại Thương chi nhánh HP nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	x	473	11216	58.923	
31/12/2008	NH PNL	31/12/2008	NH Ngoại Thương chi nhánh HP nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	x	474	515		58.923

Ngày..... tháng..... năm 2008

**Người ghi sổ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Thủ trưởng đơn vị**

*( Ký, ghi rõ họ tên)*

**Biểu số 2.24:**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**515 - Doanh thu hoạt động tài chính**

Năm 2008

Trang : 01

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỶ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	11213	Ngân hàng No&PTNT chi nhánh Hồng Bàng HP		4.159.410
2	11216	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam CNHP		1.033.895
3	11217	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển HP		2.915.918
4	11218	Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu – CNHP		948.618
5	911	Xác định kết quả kinh doanh	9.057.841	
TỔNG CỘNG			<b>9.057.841</b>	<b>9.057.841</b>

\* Số dư đầu kỳ Nợ: 0 VND

\* Số dư cuối kỳ Nợ: 0 VND

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

### **2.3.2.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

Để xác định kết quả kinh doanh, công ty sử dụng tài khoản 911 và các sổ sách có liên quan như Sổ Cái các TK 511, 515, 632, 711, 811, 641, 642. Sổ Cái TK 911 là sổ tổng hợp phản ánh một cách khái quát nhất về kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- + Kết quả hoạt động tài chính
- + Kết quả hoạt động khác

Quá trình xác định kết quả kinh doanh thực hiện trên phần mềm vi tính như sau:

Với các nghiệp vụ kết chuyển: thuế đất sang TK 642, TK 242 sang TK 642, TK 1562 sang TK 632, TK 334 sang 642, TK 214 sang TK 641... kế toán kích vào ô “Nhập dữ liệu ps”, sau đó nhập dữ liệu vào phần mềm. Sau khi nhập xong, phần mềm kế toán sẽ tự động vào sổ Nhật ký chung, và các Sổ Cái liên quan.

Với các nghiệp vụ kết chuyển các tài khoản phản ánh doanh thu và chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh thì từ giao diện của phần mềm, kế toán kích vào ô “Xử lý dữ liệu”. Phần mềm kế toán sẽ cho ra các ô “Kết chuyển tự động giá thành sản phẩm hoàn thành”, “Kết chuyển xác định kết quả sản xuất kinh doanh”, “Tính lại giá thành xuất vật tư theo phương pháp bình quân cuối tháng”. Kế toán kích vào ô “Kết chuyển tự động giá thành sản phẩm hoàn thành” ấn “OK”. Tương tự như vậy với các ô còn lại.

Sau khi thực hiện xong máy tính sẽ tự động cập nhật và kết chuyển vào sổ Cái TK 911, TK 421.

**Biểu số 2.25:**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**711 - Thu nhập khác**

Năm 2008

Trang : 01

Đơn vị tính:

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	11217	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hải Phòng		535.775.000
2	152	Nguyên liệu vật liệu		98.751.703
3	331	Phải trả cho người bán		1.657.600
4	642	Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.000.000
5	911	Xác định kết quả kinh doanh	646.184.303	
TỔNG CỘNG			<b>646.184.303</b>	<b>646.184.303</b>

\* Số dư đầu kỳ Nợ: **0 VND**

\* Số dư cuối kỳ Nợ: **0 VND**

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)



**Biểu số 2.26:**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**811 - Chi phí khác**

Năm 2008

Trang : 01

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	2111	Hao mòn tài sản cố định hữu hình	472.945.995	
2	911	Xác định kết quả kinh doanh		472.945.995
TỔNG CỘNG			<b>472.945.995</b>	<b>472.945.995</b>

\* Số dư đầu kỳ Nợ: **0 VND**

\* Số dư cuối kỳ Nợ: **0 VND**

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.27:**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**911 - Xác định kết quả kinh doanh**

Năm 2008

Trang : 01

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	4214	Lợi nhuận năm nay	219.549.655	
2	5111	Doanh thu bán hàng hoá		128.641.607.172
3	5112	Doanh thu bán các thành phẩm		1.586.541.002
4	5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ		328.961.349
5	515	Doanh thu hoạt động tài chính		9.057.841
6	632	Giá vốn hàng bán	126.263.213.496	
7	635	Chi phí tài chính	1.513.510.935	
8	641	Chi phí bán hàng	2.006.540.503	
9	642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	651.210.660	
10	711	Thu nhập khác		646.184.303
11	811	Chi phí khác	472.945.995	
12	82111	Chi phí thuế TNDM hiện hành năm nay	85.380.422	
TỔNG CỘNG			<b>131.212.351.667</b>	<b>131.212.351.667</b>

\* Số dư đầu kỳ Nợ: **0 VND**

\* Số dư cuối kỳ Nợ: **0 VND**

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.28:**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Năm 2008

*Trang : 01*

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	911	Xác định kết quả kinh doanh		219.549.655
		TỔNG CỘNG:	0	219.549.655

\* Số dư đầu kỳ Nợ: 236.556.049 VND

\* Số dư cuối kỳ Nợ: 459.105.709 VND

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008  
PHẦN I - LÃI, LỖ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ trước	Kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		86.036.985.825	131.653.776.190
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			1.096.666.667
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		86.036.985.825	130.557.109.523
4. Giá vốn hàng bán	11		83.160.806.850	126.263.213.496
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.876.178.975	4.293.896.026
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		26.065.393	9.057.841
7. Chi phí tài chính	22		1.108.724.934	1.513.510.935
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.643.394.355	2.657.751.163
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		150.125.079	131.691.769
10. Thu nhập khác	31			646.184.303
11. Chi phí khác	32			472.945.995
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			173.238.308
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		150.125.079	304.930.077
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		42.035.022	85.380.422
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		108.090.057	219.549.655

Lập, ngày..... tháng..... năm

.....

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### **CHƯƠNG 3**

## **MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH BẮC HẢI**

### **3.1. Các nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.**

#### ***3.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả sản xuất kinh doanh.***

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thiết phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý kinh tế mới để đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay giữa sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp ngày càng trở lên gay gắt. Vì vậy mỗi doanh nghiệp phải tìm cho mình một hướng đi đúng, tự hoàn thiện mình để đứng vững trên thị trường.

Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách chính xác, kịp thời là điều hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng: đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước; đối với ngân hàng- giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi; quan trọng là đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các đối tác tham gia góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kỳ một doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay Nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí, thu lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

### ***3.1.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện.***

Với yêu cầu quản lý về hoạt động kinh doanh thương mại của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ở công ty TNHH Bắc Hải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt: để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy, khi hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, thu nhập và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi người quản lý phải xem xét chúng sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy, doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty: mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy, việc vận dụng hệ thống chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho

người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện song phải trên cơ sở là tiết kiệm và hiệu quả.

### **3.2. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Bắc Hải.**

Nhìn chung, công ty TNHH Bắc Hải có bộ máy quản lý đơn giản, các bộ phận được phân công nhiệm vụ một cách rõ ràng, cụ thể. Là một doanh nghiệp trẻ, gặp không ít khó khăn trong quá trình hoạt động song công ty luôn phấn đấu vươn lên, đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, dần xây dựng giá trị doanh nghiệp từng bước vững chắc. Trong 4 năm qua, công ty đã thực hiện khá tốt những chế độ kế toán và nguyên tắc hạch toán kế toán, đặc biệt là trong công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Trong quá trình hạch toán công ty không áp dụng các nguyên tắc một cách cứng nhắc, dập khuôn mà luôn đi sâu, tìm hiểu để áp dụng sao cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty dựa trên cơ sở, chế độ kế toán. Công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty có nhiều ưu điểm, song cũng có những hạn chế nhất định.

#### **3.2.1. Ưu điểm:**

Công tác kế toán ở công ty đã dựa trên căn cứ khoa học, đặc điểm tình hình thực tế của công ty và làm kế toán trên phần mềm kế toán, tránh ghi chép thủ công mất nhiều thời gian, chi phí tốn kém; hơn nữa lại đáp ứng được việc tìm kiếm thông tin nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận liên quan khác.

*- Về chứng từ kế toán sử dụng:*

Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng. Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện tương đối nhanh chóng, kịp thời.

*- Về tổ chức công tác kế toán hiện nay:*

Việc tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình của công ty. Công ty luôn chấp hành một cách đầy đủ chính sách, chế độ kế toán, tài chính Nhà nước, các chính sách về giá, thuế. Tổ chức mở sổ đầy đủ, phù hợp để phản ánh tình hình biến động của thị trường kinh doanh thương mại, đồng thời ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh, nhờ đó góp phần bảo vệ tài sản của công ty.

*- Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Việc tổ chức bộ máy kế toán như hiện nay là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Với 4 thành viên kế toán luôn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phần hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán tổng hợp đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hoá, của giá cả hàng hoá và xu hướng hàng hoá trên thị trường, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của các hoạt động bán hàng cũng như hoạt động tài chính và các hoạt động khác. Thực hiện nghiêm túc các chính sách Nhà nước về các khoản nộp. Tiến hành quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định được kết quả kinh doanh ở nhiều thời điểm trong năm tài chính.



*- Về phương thức thanh toán:*

Do hoạt động của công ty là kinh doanh các mặt hàng vật tư nông nghiệp, có giá cả biến động thường xuyên, nhu cầu về hàng hoá rất đa dạng, luôn theo chiều hướng tăng và khách hàng cũng thường mua với số lượng lớn nên việc thanh toán bằng chuyển khoản là thích hợp và phổ biến nhất.

*- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:*

Trên cơ sở đặc điểm của kết quả kinh doanh tại công ty, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn, để đưa ra hệ thống sổ sách ghi chép, xác định chính xác doanh thu, chi phí. Kế toán doanh thu bên cạnh việc cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác cho các cơ quan chức năng: cơ quan thuế, ngân hàng... còn cung cấp đầy đủ thông tin cho ban lãnh đạo công ty, giúp cho những nhà quản lý, đầu tư có những quyết định đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đề ra những chiến lược kinh doanh nắm bắt thị trường một cách kịp thời và hiệu quả.

**3.2.2. Hạn chế:**

*- Về sổ sách sử dụng:*

Việc sử dụng mẫu sổ kế toán chưa đúng so với quy định chung của Bộ tài chính (QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) cụ thể đó là mẫu sổ Cái tài khoản chưa đúng so với quy định.

+ Theo mẫu quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006, quy định về mẫu sổ Cái như sau:

**Mẫu sổ cái theo quy định của Bộ tài chính:**

Đơn vị:.....

**Mẫu số S03- DN**

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

Năm:.....

Tên tài khoản:.....

Số hiệu:.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng					
			- Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có .... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang .....

- Ngày mở sổ:.....

Ngày .....tháng .....năm.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Mẫu sổ cái tại doanh nghiệp:**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tên tài khoản**

**Năm 2008**

*Trang : 01*

Đơn vị tính:

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
TỔNG CỘNG				

\* Số dư đầu kỳ Nợ: VND

\* Số dư cuối kỳ Nợ: VND

Ngày..... tháng..... năm .....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

- Về tài khoản sử dụng:

Theo Quyết định 48/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, để tập hợp các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, các doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh” trong khi đó kế toán công ty lại sử dụng tài khoản 641 “Chi phí bán hàng” và tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” để tập hợp. Bên cạnh đó, tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có tài khoản chi tiết là 5112 “Doanh thu bán các thành phẩm” chỉ dùng để phản ánh doanh thu từ việc bán thành phẩm thì kế toán công ty lại phản ánh sai nội dung kinh tế, phản ánh doanh thu từ hoạt động thuê kho vào tài khoản này.

- Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá:

Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng vì tâm lý khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những ưu đãi về thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá của Công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### **3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Bắc Hải.**

Trên cơ sở vốn kiến thức trong quá trình học tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Bắc Hải, em xin nêu ra một số kiến nghị như sau:

- ***Kiến nghị 1: Về sổ sách sử dụng***

Như đã trình bày ở trên, việc Công ty sử dụng mẫu Sổ Cái trong hạch toán doanh thu là chưa đúng so với quy định của BTC. Vì vậy Công ty cần xem xét và chỉnh sửa cho phù hợp và thống nhất với quy định chung này. Áp dụng Sổ Cái cho hình thức kế toán Nhật ký chung theo quy định của Bộ Tài Chính vì: Mẫu Sổ Cái này cho phép ta theo dõi được từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài khoản, nắm được nội dung kinh tế của nghiệp vụ, thời gian phát sinh và các chứng từ dùng làm căn cứ để ghi chép vào sổ. Nhờ đó kế toán dễ dàng kiểm tra đối chiếu tính trung thực, chính xác của các nghiệp vụ, từ đó phát hiện được các sai sót để bổ sung, sửa chữa.

- ***Kiến nghị 2: Về tài khoản sử dụng***

Công ty nên áp dụng nhất quán hệ thống tài khoản theo Quyết định 48/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Đó là:

Sử dụng tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”, mở chi tiết tài khoản 6421 “Chi phí bán hàng” và tài khoản 6422 “Chi phí quản lý kinh doanh” để tập hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tập hợp doanh thu từ việc cho thuê kho vào tài khoản 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”.

- ***Kiến nghị 3: Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng***

Công ty nên xem xét và bổ sung chính sách chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho khách hàng nhằm tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Để hạch toán chiết khấu thương mại sử dụng tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”. Khi hạch toán phải đảm bảo chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường

hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt tới mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng.

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại khách hàng được hưởng

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp theo chiết khấu thương mại

Có TK 111,112,131: Số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ, kết chuyển số tiền chiết khấu cho khách hàng sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: Chiết khấu thương mại

- Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính”.

Phản ánh khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112: Chiết khấu thanh toán khách hàng được hưởng

Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

• **Kiến nghị 4: Về hạch toán kế toán doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán**

- Khi hạch toán doanh thu bán hàng, công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu bán hàng của từng loại mặt hàng bán ra nhằm giúp công ty nắm được chi tiết từng loại mặt hàng bán ra, giúp kiểm tra chi tiết từng loại hàng hoá tiêu thụ ra sao. Từ đó cấp lãnh đạo có thể đưa ra các chiến lược tiêu thụ như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm kiếm đối tác.

- Khi hạch toán giá vốn hàng bán nên hạch toán chi tiết từng loại hàng bán ra vì đây chính là mục tiêu so sánh giữa giá vốn hàng bán ra so với giá bán doanh nghiệp. Chỉ có hạch toán chi tiết giá vốn hàng bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hoá đến khâu tiêu thụ hàng hoá như thế nào, để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn hiệu quả.

• ***Kiến nghị 5: Về trích lập dự phòng phải thu khó đòi và giảm giá hàng tồn kho***

Để giảm mức tối đa những tổn thất về các khoản phải thu khó đòi đặc biệt là sự giảm giá của hàng hoá trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay thì việc trích lập các khoản dự phòng là điều cần thiết vì:

- Các khoản nợ của khách hàng và giá trị hàng tồn kho là rất lớn nên nguy cơ giảm giá và mất khả năng thanh toán là rất dễ xảy ra.

- Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên với hình thức thanh toán trả chậm nên nguy cơ giảm giá và mất khả năng thanh toán là rất dễ xảy ra.

Do vậy để đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ, cuối mỗi niên độ kế toán trước khi lập các Báo cáo tài chính, kế toán phải tính số nợ có khả năng khó đòi được dựa vào khả năng hoặc tình hình thực tế của khách hàng và dự đoán khả năng của thị trường để lập các khoản dự phòng.

\* Đối với dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

- Để lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi kế toán sử dụng tài khoản 139 “Dự phòng phải thu khó đòi” và chi tiết cho từng khách hàng. Vào cuối niên độ kế toán, kế toán căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được thì phải trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

- Theo quy định, khách hàng nợ quá hạn 2 năm trở lên kể từ ngày quá hạn thanh toán mới được quyền trích lập dự phòng và chỉ lập dự phòng đối với

khách hàng thực sự mất khả năng thanh toán nợ cho công ty. Trường hợp đặc biệt tuy chưa quá hạn 2 năm nhưng đang trong thời hạn xem xét giải thể, phá sản hoặc có dấu hiệu khác thì số nợ được coi là nợ khó đòi. Mức dự phòng phải lập tối đa không quá 20% tổng số dư phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm và đảm bảo doanh nghiệp không bị lỗ.

- Khi tiến hành xoá sổ các khoản phải thu đã lập dự phòng, ngoài bút toán xoá sổ kế toán phải hoàn nhập số dự phòng đã lập:

Bút toán 1: Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

Bút toán 2: Nợ TK 139  
Có TK 642

- Phải xác định mức dự phòng cần lập: Ước tính trên doanh thu bán chịu

$$\text{Số dự phòng phải thu cần lập cho năm tới} = \frac{\text{Tổng doanh thu bán chịu}}{\text{bán chịu}} \times \text{Tỷ lệ phải thu khó đòi ước tính}$$

\* Đối với dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” cuối kỳ. Tài khoản 159 được mở chi tiết cho từng loại hàng.

- Khi thấy giá thị trường giảm so với giá thực tế ghi trong sổ thì kế toán tiến hành trích lập dự phòng cho số hàng còn tồn kho cuối kỳ:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Phải xác định mức dự phòng cần lập: Dựa vào công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{cần lập cho} \\ \text{hàng tồn kho i} \\ \text{cho năm N} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số l- ợng hàng} \\ \text{tồn kho tại thời} \\ \text{điểm năm N} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá gốc} \\ \text{đơn vị} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá thuần đơn vị} \\ \text{có thể thu hồi tại} \\ \text{năm N + 1} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho chỉ được lập khi giá trị thuần có thể thu hồi được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.